

Số: 346 /QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế niêm yết chứng khoán tại  
Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;

Căn cứ Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;

Căn cứ Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 20/06/2016 của Hội đồng quản trị Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua nội dung Quy chế Niêm yết Chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 4689/UBCK-PTTT ngày 19/07/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thông qua nội dung Quy chế Niêm yết Chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 09 năm 2016 và thay thế Quyết định số 10/QĐ-SGDHCM ngày 13/01/2014 về việc ban hành Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 286/QĐ-SGDHCM ngày 29/07/2014 về việc ban hành Quy chế niêm yết Quỹ hoán đổi danh mục tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định Niêm yết, Giám đốc các phòng, ban thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS;
- UBCKNN (để báo cáo);
- TTLKCKVN;
- Lưu VT, NY (18).

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Văn Dũng**

**QUY CHẾ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN  
TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016  
của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc đăng ký niêm yết, giám sát việc duy trì điều kiện niêm yết chứng khoán và xử lý vi phạm đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là SGDCK) nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

1. Tổ chức đăng ký niêm yết và tổ chức niêm yết tại SGDCK;
2. Thành viên lập quỹ và các tổ chức khác cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động huy động vốn, thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục/quỹ đầu tư hoặc công ty đầu tư chứng khoán niêm yết/đăng ký niêm yết tại SGDCK;
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt**

1. **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2. **SGDCK:** Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
3. **Ngày niêm yết:** Là ngày chứng khoán được cấp Quyết định niêm yết lần đầu trên SGDCK.
4. **Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực** (còn được gọi là ngày thay đổi niêm yết): Là ngày được ghi nhận trong Quyết định thay đổi niêm yết trên SGDCK.
5. **Niêm yết chứng khoán:** Là việc đưa các chứng khoán có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch tại SGDCK.
6. **Chứng khoán niêm yết:** Là cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đại chúng dạng đóng (bao gồm quỹ đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư bất động sản...), cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các loại chứng khoán khác được chấp thuận niêm yết tại SGDCK.
7. **Đăng ký niêm yết:** Là việc tiến hành các thủ tục để đưa chứng khoán có đủ

điều kiện niêm yết vào giao dịch tại SGDCK.

8. **Năm đăng ký niêm yết:** Là năm tổ chức đăng ký niêm yết nộp hồ sơ đăng ký niêm yết. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết nộp hồ sơ trước thời điểm kết thúc năm tài chính nhưng việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ vẫn đang thực hiện và kéo dài quá ngày thứ 30 của năm tài chính tiếp theo thì năm đăng ký niêm yết được tính là năm tài chính tiếp theo đó.

9. **Thay đổi đăng ký niêm yết:** Là việc tiến hành các thủ tục để thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết tại SGDCK.

10. **Hủy niêm yết:** Là việc chấm dứt giao dịch chứng khoán niêm yết tại SGDCK.

11. **Tổ chức đăng ký niêm yết:** Là tổ chức phát hành/công ty quản lý quỹ thực hiện đăng ký niêm yết chứng khoán tại SGDCK.

12. **Tổ chức niêm yết:** Là tổ chức có chứng khoán niêm yết tại SGDCK.

13. **Tách cổ phiếu:** Là việc chia nhỏ một cổ phiếu thành nhiều cổ phiếu với mệnh giá giảm xuống theo tỷ lệ tương ứng;

14. **Gộp cổ phiếu:** Là việc gom nhiều cổ phiếu thành một cổ phiếu với mệnh giá tăng lên theo tỷ lệ tương ứng.

15. **Quỹ ETF:** Quỹ hoán đổi danh mục.

16. **Chứng chỉ quỹ ETF:** Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF là 10.000 đồng.

17. **Chứng chỉ quỹ:** Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ đại chúng (bao gồm chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán/bất động sản/ETF)

18. **Quỹ đầu tư** tại Quy chế này là quỹ đầu tư chứng khoán và bất động sản đại chúng dạng đóng niêm yết/đăng ký niêm yết

19. **Công ty đầu tư chứng khoán** tại Quy chế này là công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và công ty đầu tư chứng khoán bất động sản đại chúng niêm yết/đăng ký niêm yết.

20. **Công ty quản lý quỹ:** Là công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ ETF/ quỹ đầu tư hoặc quản lý công ty đầu tư chứng khoán niêm yết/đăng ký niêm yết.

21. **Ngân hàng giám sát:** Là ngân hàng lưu ký có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ ETF/ quỹ đầu tư hoặc công ty đầu tư chứng khoán của Công ty quản lý quỹ.

22. **Tracking error - TE:** Là mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (gọi tắt là mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF). Mức sai lệch tối đa so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF tại SGDCK được quy định là 10%.

23. **Nghị định số 58/2012/NĐ-CP:** Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

24. **Nghị định số 60/2015/NĐ-CP:** Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;

25. **Thông tư số 202/2015/TT-BTC:** Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

26. **Thông tư số 155/2015/TT-BTC:** Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

27. **Thông tư số 229/2012/TT-BTC:** Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.

## **Chương II**

### **MỤC 1**

#### **ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

##### **Điều 4. Điều kiện niêm yết**

1. Điều kiện niêm yết chứng khoán (ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF) trên SGDCK theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

1.1. Các thông tin, số liệu trong hồ sơ, bản cáo bạch liên quan đến báo cáo tài chính phải căn cứ vào báo cáo tài chính được kiểm toán và được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

1.2. Tiêu chí “có ít nhất hai (02) năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính đến thời điểm đăng ký niêm yết” (*ngoại trừ doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa gắn với niêm yết*) và tiêu chí “cơ cấu cổ đông” còn được xem xét trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 và 5 Điều 5 Thông tư số 202/2015/TT-BTC đối với điều kiện niêm yết chứng khoán của công ty nhận sáp nhập trên SGDCK.

1.3. Tiêu chí tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính căn cứ trên “*vốn chủ sở hữu bình quân*” đầu kỳ và cuối kỳ của báo cáo tài chính kiểm toán. Ngoài ra tiêu chí ROE còn được quy định cụ thể tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

1.4. Các tiêu chí “không có lỗ lũy kế”, “không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm”, “ROE năm gần nhất tối thiểu 5%” được xem xét trên báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất. Tiêu chí “có lãi” được xem xét trên báo cáo tài chính kiểm toán hai (02) năm gần nhất.

1.5. Đối với các tổ chức đăng ký niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị trực thuộc, tiêu chí “ROE năm gần nhất tối thiểu 5%”, “có lãi”, “không có lỗ lũy kế” được xác định trên báo cáo tài chính hợp nhất/ báo cáo tài chính

tổng hợp; tiêu chí “không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm” chỉ áp dụng cho công ty mẹ/đơn vị kế toán cấp trên.

1.6. Các chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng theo tiêu chí cam kết nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nội bộ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP còn được áp dụng cho các chức danh tương đương khác quy định tại Khoản 5c và 5d Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC phải cam kết nắm giữ cổ phiếu.

1.7. Đối với các công ty niêm yết chuyển từ SGDCK Hà Nội sang đăng ký niêm yết trên SGDCK, việc cam kết nắm giữ cổ phiếu của các cổ đông nội bộ và cổ đông lớn liên quan đến cổ đông nội bộ theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP phải tiếp tục thực hiện theo các cam kết khi niêm yết trên SGDCK Hà Nội nếu những cam kết này còn hiệu lực. Trường hợp các cam kết khi niêm yết trên SGDCK Hà Nội đã hết thời hạn, các cổ đông này không phải thực hiện lại cam kết nắm giữ cổ phiếu.

2. Điều kiện niêm yết chứng chỉ quỹ ETF trên SGDCK theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP:

2.1. Là chứng chỉ quỹ của quỹ ETF đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.

2.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên lập quỹ trong đó có ít nhất một (01) thành viên là thành viên giao dịch thuộc SGDCK.

2.3. Có hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ ETF đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

## **Điều 5. Hồ sơ đăng ký niêm yết**

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại SGDCK thực hiện theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 3, Khoản 1, 7 và 8 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, và các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết tại Phụ lục 1 do SGDCK ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký niêm yết phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Phụ lục 2, 3 và 4 của Thông tư số 202/2015/TT-BTC về mẫu Bản cáo bạch niêm yết và đáp ứng các yêu cầu sau:

2.1 Phải có đầy đủ phụ lục đính kèm Bản cáo bạch theo quy định;

2.2 Phải có đầy đủ chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Trưởng Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (Giám đốc tài chính) của tổ chức đăng ký niêm yết và người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn, những người chịu trách nhiệm chính khác (nếu có). Trường hợp ký thay phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật;

2.3 Trường hợp Đại hội đồng cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết đã thông qua nghị quyết về việc phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn/đề trả cổ tức/tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; phát hành trái phiếu và/ hoặc trái phiếu chuyển đổi, trả cổ tức bằng tiền mặt thì phải bổ sung thêm thông tin về những vấn đề này vào

Bản cáo bạch niêm yết;

2.4 Tổ chức đăng ký niêm yết phải xác định được giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK dựa theo phương pháp tính giá được quy định trong mẫu Bản cáo bạch niêm yết trước khi SGDCK cấp Quyết định niêm yết chứng khoán *(ngoại trừ trường hợp chứng khoán của các tổ chức đăng ký niêm yết chuyển từ SGDCK Hà Nội sang đăng ký niêm yết trên SGDCK sử dụng phương pháp tính giá bình quân của các phiên giao dịch trên SGDCK Hà Nội)*;

2.5 Trường hợp Bản cáo bạch của Quỹ đầu tư bất động sản và Công ty đầu tư chứng khoán bất động sản phải bổ sung thông tin của tổ chức quản lý bất động sản và tổ chức định giá độc lập bao gồm: Tên đầy đủ, Tên viết tắt, Giấy phép thành lập số *(đính kèm bản sao)*, Trụ sở chính, Điện thoại, Fax, Website, Thời gian hoạt động *(nếu có)*, Kinh nghiệm của công ty trong hoạt động định giá giá trị bất động sản *(đính kèm hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức định giá)*, Kinh nghiệm của tổ chức quản lý bất động sản trong việc quản lý, vận hành và khai thác bất động sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ/công ty đầu tư chứng khoán *(đính kèm hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức quản lý bất động sản)*.

3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm phụ lục ngành nghề kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết.

4. Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và được cập nhật trước thời điểm hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ đảm bảo đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông theo quy định. Sổ đăng ký cổ đông tối thiểu phải có những thông tin sau: họ tên cổ đông, số chứng minh nhân dân/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện, số chứng minh nhân dân người đại diện, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phiếu nắm giữ.

5. Tổ chức đăng ký niêm yết tham chiếu Điều lệ mẫu quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để xây dựng Điều lệ công ty.

6. Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết trong hai (02) năm gần nhất phải đáp ứng các yêu cầu sau:

6.1. Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính; đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về kế toán và kiểm toán;

6.2. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải nộp Báo cáo tài chính của công ty mẹ cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất/Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật về kế toán;

6.3. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính năm hợp nhất trong trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ và báo cáo tài chính năm tổng hợp trong trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận và được ký bởi kiểm toán viên được UBCKNN chấp thuận;

6.4. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính phải thể hiện chấp nhận toàn bộ. Trường hợp ý kiến kiểm toán là chấp nhận có ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không phải là các khoản ngoại trừ liên quan đến các khoản mục: vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ

đã góp và các khoản mục trọng yếu khác như: tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, nợ phải trả và khoản ngoại trừ do không hợp nhất công ty con;

6.5. Trường hợp ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là chấp nhận có ngoại trừ đối với các khoản mục khác không phải các khoản mục nêu tại Điểm 6.4 Khoản 6 Điều này, tổ chức đăng ký niêm yết phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ;

6.6. Trường hợp ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính gần nhất cách thời điểm gửi hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ cho SGDCK quá 90 ngày, tổ chức đăng ký niêm yết phải lập báo cáo tài chính bổ sung đến tháng hoặc quý gần nhất;

6.7. Trường hợp hồ sơ được nộp sau thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính soát xét bán niên đối với công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp bổ sung báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

6.8. Trường hợp quá trình chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên soát xét, báo cáo tài chính quý, tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp bổ sung báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết;

6.9. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành thêm để tăng vốn sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất, tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện kiểm toán vốn cho phần phát hành thêm đó;

6.10. Báo cáo tài chính nếu là bản sao thì phải có chứng thực của cơ quan công chứng có thẩm quyền hoặc của tổ chức kiểm toán (trường hợp báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét) hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết (trường hợp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, soát xét);

6.11. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK có thể yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật quy định khi niêm yết phải có chấp thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành, hồ sơ đăng ký niêm yết phải kèm theo công văn chấp thuận đăng ký niêm yết của cơ quan quản lý chuyên ngành.

8. Trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết có các tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền cấp/ban hành/chấp thuận, tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp bản sao y chứng thực hợp lệ.

9. Trong quá trình hồ sơ đăng ký niêm yết đang được thẩm định, nếu có những sự kiện phát sinh ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức, nhân sự chủ chốt, hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính, cơ cấu cổ đông và các nội dung quan trọng khác liên quan đến tổ chức đăng ký niêm yết, tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết cho phù hợp.

10. Hồ sơ đăng ký niêm yết được lập thành một (01) bộ bản gốc (bản chính hoặc bản sao hợp lệ) tiếng Việt kèm theo một (01) bộ bản dữ liệu điện tử.

11. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định, SGDCK sẽ

xem xét thẩm định và có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết (nếu cần thiết). Thời hạn nhận hồ sơ được tính từ ngày SGDCK nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

#### **Điều 6. Quy trình đăng ký niêm yết**

1. Việc tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết chứng khoán tại SGDCK được thực hiện theo Quy trình tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này. Trường hợp cần xin thêm ý kiến của UBCKNN hoặc các cơ quan liên quan, SGDCK có công văn gửi các cơ quan liên quan và chỉ xem xét chấp thuận đăng ký niêm yết chính thức sau khi có ý kiến phản hồi từ các cơ quan liên quan.

2. Thời gian tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và thời gian xin ý kiến các cơ quan liên quan không tính vào thời gian xem xét, thẩm định hồ sơ.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc (*đối với hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ ETF*) và trong thời hạn ba mươi (30) ngày (*đối với hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán khác*) kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ, hợp lệ, SGDCK sẽ có văn bản chấp thuận hoặc yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trước khi chấp thuận chính thức. Trường hợp không chấp thuận, SGDCK sẽ nêu rõ lý do bằng văn bản.

4. Trường hợp quá sáu (06) tháng kể từ ngày có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ không thực hiện bổ sung, sửa đổi theo yêu cầu, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đó.

5. Đối với quỹ ETF, quỹ đầu tư và công ty đầu tư chứng khoán, trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán có hiệu lực, công ty quản lý quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán phải hoàn tất hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán nộp cho SGDCK theo quy định.

#### **Điều 7. Hoàn tất thủ tục để chính thức giao dịch tại SGDCK**

Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày ký Quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán vào giao dịch tại SGDCK theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này. Sau thời hạn này, Quyết định chấp thuận niêm yết của SGDCK mặc nhiên hết hiệu lực theo quy định tại Khoản 11 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

## **MỤC 2**

### **ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY HÌNH THÀNH SAU QUÁ TRÌNH HỢP NHẤT**

#### **Điều 8. Điều kiện niêm yết**

1. Trường hợp các công ty bị hợp nhất đều đang niêm yết trên SGDCK thì công ty hợp nhất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a, c, d, đ, e Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và có ROE dương bao gồm:

1.1. Là công ty cổ phần có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 120 tỷ đồng Việt Nam trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;

1.2. Công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan;

1.3. Tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất ba trăm (300) cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ, trừ trường hợp doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

1.4. Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ;

1.5. Có hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu hợp lệ theo quy định.

2. Trường hợp công ty đang niêm yết trên SGDCK hợp nhất với công ty chưa niêm yết trên SGDCK (bao gồm cả công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), công ty hợp nhất được đăng ký niêm yết trên SGDCK khi đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (chỉ tiêu ROE được xác định tại báo cáo tài chính kiểm toán được lập theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 của Thông tư 202/2015/TT-BTC), ngoại trừ các điều kiện sau đây:

2.1. Có ít nhất hai (02) năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính đến thời điểm đăng ký niêm yết;

2.2. Hoạt động kinh doanh của hai năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi.

3. Trường hợp các công ty bị hợp nhất đều chưa niêm yết trên SGDCK, công ty hợp nhất được đăng ký niêm yết trên SGDCK khi:

3.1. Trong vòng ba (03) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty hợp nhất được nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trên SGDCK khi đáp ứng quy định tại các Điểm a, c, d, đ, e Khoản 1 Điều 53 và các công ty bị hợp nhất phải đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngoại trừ điều kiện hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần;

3.2. Sau thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty hợp nhất được nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trên SGDCK khi đáp ứng đầy đủ quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

4. Trường hợp hợp nhất theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này mà trong đó có doanh nghiệp có vốn Nhà nước tham gia hợp nhất, và sau hợp nhất, phần vốn của Nhà nước chiếm từ 80% trở lên vốn điều lệ tại công ty hợp nhất, thì điều kiện

niêm yết thực hiện theo các quy định liên quan tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này, ngoại trừ điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

5. Công ty trong diện hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại các Điểm h, k, l, m Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP tham gia vào quá trình hợp nhất thì công ty hình thành sau khi hợp nhất được đăng ký niêm yết khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

6. Việc niêm yết trái phiếu của công ty hợp nhất thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; việc niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng sau khi nhận hợp nhất quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

7. Các tiêu chí về điều kiện niêm yết được xem xét theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

#### **Điều 9. Hồ sơ đăng ký niêm yết**

Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hợp nhất thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết tại Phụ lục 1 do SGDCK ban hành kèm theo Quy chế này.

#### **Điều 10. Quy trình đăng ký niêm yết và thủ tục để chính thức giao dịch tại SGDCK**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.
2. Trước khi tham gia hợp nhất, công ty niêm yết thực hiện việc hủy niêm yết theo quy chế của SGDCK.
3. Trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty hợp nhất đáp ứng điều kiện niêm yết tại các Khoản 1, 2 Điều 8 Quy chế này phải hoàn tất thủ tục nộp hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ trên SGDCK. Quá thời hạn trên mà công ty không hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết thì trong vòng sáu (06) tháng tiếp theo, công ty phải hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.
4. Sau ba (03) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà công ty hợp nhất theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 8 Quy chế này không hoàn tất thủ tục nộp hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ, thì công ty phải thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

### **MỤC 3**

#### **ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY HÌNH THÀNH SAU QUÁ TRÌNH SÁP NHẬP**

##### **Điều 11. Điều kiện niêm yết**

1. Trường hợp công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên SGDCK, sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập làm thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết khi:

1.1. Trước khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập và công ty bị sáp nhập đều có ROE dương; hoặc

1.2. Sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập có ROE dương hoặc có ROE lớn hơn ROE của công ty đó trong năm liền trước năm thực hiện sáp nhập;

1.3. Trường hợp không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm 1.1 hoặc Điểm 1.2 Khoản này thì số cổ phiếu phát hành thêm chỉ được đăng ký niêm yết bổ sung trên SGDCK sau một (01) năm kể từ thời điểm công ty nhận sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới.

2. Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, các công ty bị sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK, (bao gồm cả công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập được thay đổi đăng ký niêm yết khi:

2.1. Trước khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập có ROE dương, các công ty bị sáp nhập chưa niêm yết đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, ngoại trừ điều kiện hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần; hoặc

2.2. Sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập có ROE đạt từ 5% trở lên, hoặc có ROE dương và lớn hơn ROE của công ty đó trong năm liền trước năm thực hiện sáp nhập;

2.3. Trường hợp không đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 2.1 hoặc Điểm 2.2 Khoản này, đồng thời phần vốn phát hành thêm để hoán đổi làm phát sinh tăng không quá 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì số cổ phiếu phát hành thêm chỉ được đăng ký niêm yết bổ sung trên SGDCK sau một (01) năm kể từ thời điểm công ty nhận sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới.

3. Trường hợp sáp nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập không đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm 2.1 và 2.2 Khoản 2 Điều này, đồng thời phần vốn phát hành thêm để hoán đổi làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày công ty nhận sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, nếu công ty nhận sáp nhập không nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết hoặc hồ sơ không đáp ứng điều kiện thay đổi đăng ký niêm yết, cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập bị hủy niêm yết bắt buộc.

4. Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK, thì sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP trong đó điều kiện phải có tối thiểu hai (02) năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính từ thời điểm thành lập công ty nhận sáp nhập.

5. Trường hợp sáp nhập theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 4 Điều này mà trong đó có doanh nghiệp có vốn Nhà nước tham gia sáp nhập, và sau sáp nhập, phần vốn của Nhà nước chiếm từ 80% trở lên vốn điều lệ tại công ty nhận sáp nhập, thì điều kiện niêm yết thực hiện theo các quy định liên quan tại các Khoản 1, 2 và 4 Điều này,

ngoại trừ điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

6. Công ty trong diện hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại các Điểm h, k, l, m Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP tham gia vào quá trình sáp nhập thì công ty hình thành sau khi sáp nhập được đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP. Trong đó điều kiện phải có tối thiểu hai (02) năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính từ thời điểm thành lập công ty nhận sáp nhập.

7. Việc niêm yết trái phiếu của công ty nhận sáp nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

8. Việc niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng sau khi nhận sáp nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

### **Điều 12. Hồ sơ đăng ký niêm yết**

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết tại Phụ lục 1 do SGDCK ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu của công ty nhận sáp nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết tại Phụ lục 1 do SGDCK ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng sau khi nhận sáp nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết tại Phụ lục 1 do SGDCK ban hành kèm theo Quy chế này.

### **Điều 13. Quy trình đăng ký niêm yết và thủ tục để chính thức giao dịch tại SGDCK**

1. Trường hợp niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau quá trình sáp nhập:  
1.1. Trường hợp công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập đều đang niêm yết trên SGDCK; công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, các công ty bị sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK thực hiện quy trình thay đổi đăng ký niêm yết theo Điều 20 Quy chế này. Tuy nhiên, thời gian nộp và xem xét hồ sơ như sau:

- a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, SGDCK cấp Quyết định thay đổi niêm yết. Trường hợp không chấp thuận, SGDCK sẽ có văn bản nêu rõ lý do.
- b) Trong vòng một (01) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 11 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết.
- c) Trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 và Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 11 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi

đăng ký niêm yết.

- d) Trong vòng một (01) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 11 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết.
- e) Sau một (01) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới và trong vòng một (01) tháng tiếp theo, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 1.3 Khoản 1 và Điểm 2.3 Khoản 2 Điều 11 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết.

1.2. Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này

2. Trường hợp niêm yết trái phiếu của công ty nhận sáp nhập và niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng sau khi nhận sáp nhập quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.

## **MỤC 4**

### **ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT THỰC HIỆN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY CỔ PHIẾU, PHẦN VỐN GÓP TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC HOẶC KHOẢN NỢ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỐI VỚI CHỦ NỢ**

#### **Điều 14. Điều kiện niêm yết**

1. Công ty niêm yết được đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành để hoán đổi khi có ROE sau khi hoán đổi đạt tối thiểu là 05%.

2. Trường hợp công ty niêm yết không đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này:

2.1. Nếu phần vốn phát hành thêm để hoán đổi làm phát sinh tăng không quá 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì số cổ phiếu phát hành thêm chỉ được niêm yết bổ sung sau một (01) năm kể từ thời điểm hoàn tất việc hoán đổi.

2.2. Nếu phần vốn phát hành thêm để hoán đổi làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành), cổ phiếu của công ty niêm yết sau hoán đổi sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc.

3. Công ty trong diện hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại các Điểm h, k, l, m Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP tham gia vào quá trình phát hành cổ phiếu để hoán đổi thì công ty hình thành sau khi hoán đổi được thay đổi đăng ký niêm yết khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

#### **Điều 15. Hồ sơ đăng ký niêm yết**

Hồ sơ đăng ký niêm yết của công ty niêm yết thực hiện hoán đổi cổ phiếu theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 9 – Thông tư số 202/2015/TT-BTC và các tài

liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết tại Phụ lục 1 do SGDCK ban hành kèm theo Quy chế này.

**Điều 16. Quy trình đăng ký niêm yết và thủ tục để chính thức giao dịch tại SGDCK**

Công ty niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo quy định tại Khoản 1 và Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 14 Quy chế này thực hiện Quy trình thay đổi đăng ký niêm yết theo Điều 20 Quy chế này. Thời gian xem xét hồ sơ như sau:

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, SGDCK cấp Quyết định thay đổi niêm yết. Trường hợp không chấp thuận, SGDCK sẽ có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi, công ty niêm yết thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết để niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã phát hành để hoán đổi.

3. Sau một (01) năm kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi và trong vòng một (01) tháng tiếp theo, công ty niêm yết thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu đáp ứng quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 14 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết để niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã phát hành để hoán đổi.

### **Chương III**

### **THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

**Điều 17. Các trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết**

1. Tổ chức niêm yết thực hiện tách, gộp cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc chào bán quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;

2. Quỹ đầu tư phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc thanh toán lợi tức bằng chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

3. Tổ chức niêm yết chào bán chứng khoán riêng lẻ hoặc chào bán thêm chứng khoán ra công chúng, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;

4. Tổ chức niêm yết bị tách hoặc nhận sáp nhập doanh nghiệp;

5. Tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;

6. Tổ chức niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác hoặc khoản nợ của tổ chức phát hành đối với chủ nợ.

7. Chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm/ bị thu hồi do thực hiện giao dịch hoán đổi.

8. Các trường hợp khác làm thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết trên SGDCK

#### **Điều 18. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết**

1. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết tại SGDCK được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP và Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết được lập thành một (01) bộ bản gốc (bản chính hoặc bản sao hợp lệ) kèm theo một (01) bộ bản dữ liệu điện tử.

3. Trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, hoặc theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho tổ chức niêm yết.

4. Trường hợp chào bán ra công chúng, hoặc chào bán riêng lẻ ngoại trừ các trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi trong hoạt động sáp nhập theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và hoán đổi cổ phiếu quy định tại Điều 14 Quy chế này, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

5. Đối với quỹ đầu tư/ công ty đầu tư chứng khoán, trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh hoặc giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán có hiệu lực, công ty quản lý quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán phải hoàn tất hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ/ cổ phiếu nộp cho SGDCK theo quy định.

#### **Điều 19. Trình tự, thủ tục tách/ gộp cổ phiếu**

1. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tách/ gộp cổ phiếu, tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK.

2. Tổ chức niêm yết công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện tách/gộp cổ phiếu theo quy định tại Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK, đồng thời phải báo cáo SGDCK và tiến hành công bố thông tin về tiến trình thực hiện tách/gộp cổ phiếu trên một tờ báo có phạm vi phát hành trên toàn quốc và trên phương tiện công bố thông tin của tổ chức niêm yết.

3. Hai (02) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng nêu tại Khoản 2 Điều này, SGDCK sẽ tạm ngừng giao dịch đối với cổ phiếu thực hiện tách/gộp.

4. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, tổ chức niêm yết có trách nhiệm hoàn tất việc tách/gộp cổ phiếu và thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trên SGDCK theo quy định tại Điều 18 và Điều 20 Quy chế này.

#### **Điều 20. Quy trình thay đổi đăng ký niêm yết**

1. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết, trường hợp hồ sơ đã đáp ứng tính đầy đủ và hợp lệ: SGDCK cấp Quyết định thay đổi niêm yết. Trường hợp không chấp thuận, SGDCK sẽ có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết, trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng tính đầy đủ và/hoặc hợp lệ: SGDCK có văn bản yêu cầu Tổ chức niêm yết sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong vòng ba (03) ngày làm việc sau khi Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu, SGDCK cấp Quyết định thay đổi niêm yết. Trường hợp không chấp thuận, SGDCK sẽ có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK cấp Quyết định thay đổi niêm yết chứng khoán:

3.1. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ phải nộp các loại phí liên quan cho SGDCK theo quy định hiện hành.

3.2. Trong trường hợp số lượng chứng khoán niêm yết thay đổi tăng, tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới niêm yết (*ngày giao dịch phải đảm bảo ít nhất là sáu (06) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được văn bản đề nghị của tổ chức niêm yết*) và hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán mới vào giao dịch.

3.3. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ phải thực hiện đăng ký ngày chính thức giao dịch đối với toàn bộ số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết tăng. Trường hợp chứng khoán mới niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng, ngày chính thức giao dịch được xác định tại một thời điểm sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4. SGDCK sẽ thông báo ngày chứng khoán được phép giao dịch trở lại (*đối với trường hợp tách, gộp cổ phiếu; tách doanh nghiệp*) hoặc thông báo ngày chính thức giao dịch của số lượng chứng khoán mới niêm yết (*đối với trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện sáp nhập*) hoặc thông báo ngày huỷ niêm yết phần cổ phiếu giảm (*đối với trường hợp thay đổi giảm số lượng cổ phiếu niêm yết*) trên cơ sở đề nghị của tổ chức niêm yết.

5. Trường hợp chứng chỉ quỹ ETF thay đổi đăng ký niêm yết (tăng/giảm) do giao dịch hoán đổi: Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF đăng ký bổ sung/bị huỷ đăng ký sau giao dịch hoán đổi, SGDCK sẽ thông báo ra thị trường về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF thay đổi đăng ký niêm yết (tăng/giảm) do giao dịch hoán đổi đó.

#### **CHƯƠNG IV**

#### **CÁC TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC NIÊM YẾT/CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BỊ NHẮC NHỞ VI PHẠM TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG, CHỨNG KHOÁN BỊ CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TẠM NGỪNG GIAO DỊCH**

**Điều 21. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường**

1. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường khi vi phạm quy định công bố thông tin từ ba (03) lần trở lên trong vòng một (01) năm.

2. SGDCK thực hiện công bố thông tin Quyết định nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này

3. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ phải thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

**Điều 22. Chứng khoán bị cảnh báo**

1. Các trường hợp chứng khoán bị cảnh báo:

1.1 Đối với cổ phiếu, trái phiếu:

a) Vốn điều lệ đã góp của tổ chức có cổ phiếu, trái phiếu niêm yết giảm xuống dưới một trăm hai mươi (120) tỷ đồng Việt Nam tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất;

b) Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính trên báo cáo tài chính kiểm toán năm của công ty là số âm (*có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán*). Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lợi nhuận sau thuế căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì lợi nhuận sau thuế căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất;

c) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm của công ty là số âm (lỗ lũy kế) (*có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán*). Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất;

d) Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ ba (03) tháng trở lên;

e) Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn công bố thông tin theo quy định hiện hành.

f) Tổ chức niêm yết vi phạm quy định công bố thông tin từ bốn (04) lần trở lên trong vòng một (01) năm;

g) Cổ phiếu không có giao dịch trong vòng sáu (06) tháng;

h) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

1.2 Đối với chứng chỉ quỹ đóng, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán:

a) Công ty quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán vi phạm quy định công bố thông tin từ bốn (04) lần trở lên trong vòng một (01) năm;

b) Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán không có giao dịch trong vòng sáu (06) tháng;

c) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

### 1.3 Đối với chứng chỉ quỹ ETF:

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF (Tracking error - TE) vượt mức 80% so với mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK (*nhưng không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK*) liên tiếp trong vòng ba (03) tháng.

b) Công ty quản lý quỹ vi phạm quy định công bố thông tin từ bốn (04) lần trở lên trong vòng một (01) năm.

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng liên tiếp trong vòng một (01) tháng;

d) Số lượng thành viên lập quỹ không đáp ứng điều kiện “có tối thiểu hai (02) thành viên lập quỹ trong đó có ít nhất một (01) thành viên là thành viên giao dịch thuộc SGDCK” liên tiếp trong vòng một (01) tháng;

e) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi các nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN;

f) Công ty quản lý quỹ của quỹ ETF bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động nhưng ban đại diện quỹ chưa xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế;

g) Ngân hàng giám sát của quỹ ETF bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi nhưng Công ty quản lý quỹ chưa xác lập được ngân hàng giám sát thay thế.

h) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. SGDCK lên ký hiệu cảnh báo và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ có chứng khoán thuộc diện cảnh báo phải giải trình nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng bị cảnh báo và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

### 4. Đưa ra khỏi diện cảnh báo:

4.1 SGDCK sẽ xem xét đưa chứng khoán ra khỏi diện cảnh báo và thực hiện dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo trong trường hợp tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến chứng khoán bị cảnh báo.

4.2 Trường hợp tổ chức niêm yết rơi vào diện cảnh báo theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1.1 Điều này sẽ được xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo căn cứ vào báo cáo tài chính quý/bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm kiểm toán;

4.3 Trường hợp chứng khoán rơi vào diện cảnh báo theo quy định tại Điểm e và f Khoản 1.1 hoặc Điểm a Khoản 1.2 hoặc Điểm b Khoản 1.3 Điều này sẽ được xem

xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo nếu tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu sáu (06) tháng tiếp theo kể từ ngày ra quyết định cảnh báo.

5. Trong những trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, SGDCK có thể xem xét duy trì diện cảnh báo đối với chứng khoán của tổ chức niêm yết.

6. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện bị cảnh báo.

### **Điều 23. Chứng khoán bị kiểm soát**

#### **1. Các trường hợp chứng khoán bị kiểm soát**

##### **1.1 Đối với cổ phiếu, trái phiếu:**

a) Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1.1 Điều 22, chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát khi vốn điều lệ đã góp của tổ chức có cổ phiếu, trái phiếu niêm yết giảm xuống dưới một trăm hai mươi (120) tỷ đồng Việt Nam tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ kế tiếp;

b) Trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1.1 Điều 22, chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát khi lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm kế tiếp của công ty là số âm (*có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán*). Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lợi nhuận sau thuế căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì lợi nhuận sau thuế căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất;

c) Lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ thực góp tại báo cáo tài chính bán niên soát xét gần nhất (*có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán*). Đối với tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp;

d) Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ chín (09) tháng trở lên;

e) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

##### **1.2 Đối với chứng chỉ quỹ ETF:**

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF (Tracking error - TE) vượt mức 80% so với mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK (*nhưng không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK*) liên tiếp trong vòng sáu (06) tháng;

b) Công ty quản lý quỹ tiếp tục vi phạm quy định công bố thông tin sau khi đã bị cảnh báo;

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng liên tiếp trong vòng ba (03) tháng;

d) Số lượng thành viên lập quỹ không đáp ứng điều kiện “có tối thiểu hai (02)

thành viên lập quỹ trong đó có ít nhất một (01) thành viên là thành viên giao dịch thuộc SGDCK” liên tiếp trong vòng ba (03) tháng;

e) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi các nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN;

f) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động nhưng ban đại diện quỹ chưa xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế quá thời hạn một (01) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

g) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi nhưng Công ty quản lý quỹ chưa xác lập được ngân hàng giám sát thay thế quá thời hạn một (01) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện.

h) Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. SGDCK lên ký hiệu kiểm soát và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chứng khoán bị kiểm soát sẽ bị hạn chế về thời gian giao dịch cho đến khi tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin và/hoặc giải trình đầy đủ theo yêu cầu của SGDCK. Căn cứ trên giải trình của tổ chức niêm yết, SGDCK sẽ xem xét cho chứng khoán niêm yết được giao dịch toàn thời gian trở lại. Thời gian hạn chế giao dịch đối với chứng khoán bị kiểm soát tối thiểu là 02 ngày giao dịch.

4. SGDCK TP.HCM sẽ xem xét đưa ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo trong trường hợp tổ chức niêm yết khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến chứng khoán bị kiểm soát. Cụ thể như sau:

4.1 Đối với chứng khoán niêm yết đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại Điểm a và c Khoản 1.1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi công ty khắc phục được hoàn toàn nguyên nhân căn cứ trên báo cáo tài chính soát xét bán niên hoặc báo cáo tài chính kiểm toán năm;

4.2 Đối với chứng khoán niêm yết đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1.1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi công ty có lãi và không còn lỗ lũy kế, hoặc chuyển sang diện cảnh báo khi công ty có lãi nhưng vẫn còn lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính quý/bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính kiểm toán năm kế tiếp;

4.3 Trường hợp chứng khoán rơi vào diện kiểm soát theo quy định tại Điểm d Khoản 1.1 và Khoản 1.2 Điều này sẽ được xem xét đưa ra khỏi diện kiểm soát khi công ty khắc phục được nguyên nhân.

5. Trong những trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, SGDCK có thể xem xét duy trì diện kiểm soát đối với chứng khoán của tổ chức niêm yết.

6. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện bị kiểm soát

#### **Điều 24. Chứng khoán bị kiểm soát đặc biệt**

1. Các trường hợp chứng khoán (ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF) bị kiểm soát đặc biệt:

1.1. Khi tổ chức niêm yết/ công ty quản lý quỹ/ công ty đầu tư chứng khoán tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện cảnh báo;

1.2. Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. SGDCK lên ký hiệu kiểm soát đặc biệt và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này

3. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt sẽ bị hạn chế về thời gian và/hoặc biên độ dao động giá.

4. Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán có chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt phải giải trình nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

5. SGDCK sẽ xem xét đưa chứng khoán ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt/chuyển sang diện cảnh báo nếu tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu sáu (06) tháng tiếp theo kể từ ngày ra quyết định kiểm soát đặc biệt hoặc nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị kiểm soát đặc biệt được khắc phục hoàn toàn.

6. Trong những trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, SGDCK có thể xem xét duy trì diện chứng khoán bị kiểm soát đặc biệt.

7. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt.

## **Điều 25. Tạm ngừng giao dịch chứng khoán niêm yết**

1. SGDCK xem xét tạm ngừng giao dịch chứng khoán khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1.1 Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường;

1.2 Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt;

1.3 Thực hiện việc tách, gộp cổ phiếu;

1.4 Khi trái phiếu chuyển đổi đăng ký chuyển đổi từng phần thành cổ phiếu;

1.5 Trong trường hợp cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư hoặc đảm bảo ổn định của thị trường sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. SGDCK tạm ngừng giao dịch đối với chứng khoán và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đưa ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch:

3.1 SGDCK yêu cầu tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ/ công ty đầu tư chứng khoán công bố thông tin và giải trình cụ thể theo yêu cầu của SGDCK đối với

các trường hợp quy định tại Điểm 1.1, 1.2 và 1.5 Khoản 1 Điều này. Căn cứ trên giải trình của tổ chức niêm yết/ công ty quản lý quỹ/ công ty đầu tư chứng khoán về các nguyên nhân dẫn đến bị tạm ngừng giao dịch (nếu có), SGDCK sẽ xem xét cho chứng khoán niêm yết được giao dịch trở lại hoặc chuyển sang diện cảnh báo/kiểm soát/kiểm soát đặc biệt cho đến khi nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm ngừng giao dịch được khắc phục hoàn toàn.

3.2 SGDCK sẽ xem xét cho chứng khoán được giao dịch trở lại đối với trường hợp quy định tại Điểm 1.3 và 1.4 Khoản 1 Điều này căn cứ theo yêu cầu của tổ chức niêm yết.

4. Trong những trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, SGDCK có thể xem xét duy trì diện tạm ngừng giao dịch đối với chứng khoán của tổ chức niêm yết.

5. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết.

## **Chương V**

### **HỦY BỎ NIÊM YẾT**

#### **Điều 26. Hủy bỏ niêm yết bắt buộc**

1. Các trường hợp chứng khoán (ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF) bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; Khoản 20 và Khoản 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP và Điều 4, 5, 8 Thông tư 202/2015/TT-BTC trong đó:

1.1. Tổ chức niêm yết chứng khoán tại SGDCK không đáp ứng được các điều kiện niêm yết quy định của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP tại Điểm a, d Khoản 1 Điều 53; Điểm a, c Khoản 2 Điều 53 đối với trái phiếu doanh nghiệp; Điểm a, c Khoản 3 Điều 53 được sửa đổi tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP đối với chứng chỉ quỹ trong thời hạn một (01) năm, bao gồm:

a) Vốn điều lệ đã góp của tổ chức có cổ phiếu, trái phiếu niêm yết giảm xuống dưới một trăm hai mươi (120) tỷ đồng Việt Nam;

b) Không có đủ tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất ba trăm (300) cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ, trừ trường hợp doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Không có đủ một trăm (100) người sở hữu trái phiếu cùng một đợt phát hành;

d) Số người nắm giữ cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư giảm xuống dưới một trăm (100) người không bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

1.2. Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ một (01) năm trở lên;

1.3. Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

1.4. Cổ phiếu không có giao dịch tại SGDCK trong thời hạn mười hai (12) tháng;

1.5. Kết quả sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ trong ba (03) năm liên tục hoặc tổng số lỗ lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp trong báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét. Đối với tổ chức niêm yết có các đơn vị trực thuộc, điều kiện “lỗ lũy kế” được xác định trên báo cáo tài chính tổng hợp. Đối với tổ chức niêm yết có công ty con, điều kiện “lỗ lũy kế” căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất, điều kiện “kết quả sản xuất kinh doanh” căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

1.6. Tổ chức niêm yết chấm dứt sự tồn tại hoặc không đáp ứng điều kiện niêm yết do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể hoặc phá sản hoặc do tổ chức phát hành thực hiện chào bán, phát hành từ 50% trở lên số lượng cổ phiếu đang lưu hành để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác; quỹ đầu tư chứng khoán chấm dứt hoạt động; tổ chức niêm yết không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng. Trong đó:

a) Trường hợp sáp nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này mà sau khi sáp nhập, công ty nhận sáp nhập không đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm 2.1 và 2.2 Khoản 2 Điều 11 Quy chế này, đồng thời phần vốn phát hành thêm để hoán đổi làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành), SGDCK sẽ thực hiện thủ tục hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày công ty nhận sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới.

b) Trường hợp Công ty trong diện hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại các Điểm h, k, l, m Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP tham gia vào quá trình sáp nhập sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc khi công ty hình thành sau sáp nhập trong quá trình đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết không đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP. Trong đó điều kiện phải có tối thiểu hai (02) năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính từ thời điểm thành lập công ty nhận sáp nhập.

c) Trường hợp công ty niêm yết không đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quy chế này, đồng thời phần vốn phát hành thêm để hoán đổi làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành), cổ phiếu của công ty niêm yết sau hoán đổi sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc.

1.7. Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc trái phiếu niêm yết được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn;

1.8. Tổ chức kiểm toán không chấp nhận thực hiện kiểm toán hoặc có ý kiến không chấp nhận hoặc từ chối cho ý kiến đối với báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức niêm yết;

1.9. Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm trong ba (03) năm liên tiếp;

1.10. UBCKNN, SGDCK phát hiện tổ chức niêm yết giả mạo hồ sơ niêm yết hoặc hồ sơ niêm yết chứa đựng những thông tin sai lệch nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư;

1.11. Tổ chức niêm yết vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin và các trường hợp mà SGDCK hoặc UBCKNN xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

2. Các trường hợp chứng chỉ quỹ ETF bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 229/2012/TT-BTC, bao gồm:

2.1. Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF (Tracking error - TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK;

2.2. Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại “Quy tắc quản lý và vận hành bộ chỉ số”;

2.3. Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 229/2012/TT-BTC;

2.4. Số lượng thành viên lập quỹ không đáp ứng điều kiện niêm yết tại Điều 4 Quy chế này liên tiếp trong vòng sáu (06) tháng;

2.5. Tổ chức kiểm toán không chấp nhận thực hiện kiểm toán hoặc có ý kiến không chấp nhận hoặc từ chối cho ý kiến đối với báo cáo năm tài chính gần nhất của Quỹ ETF;

2.6. Công ty quản lý quỹ vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm của Quỹ ETF trong ba (03) năm liên tiếp;

2.7. UBCKNN, SGDCK phát hiện công ty quản lý quỹ giả mạo hồ sơ hoặc hồ sơ chứa đựng thông tin sai lệch nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư;

2.8. Công ty quản lý quỹ tiếp tục vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi chứng chỉ quỹ ETF đã bị đưa vào diện kiểm soát;

2.9. Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi các nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

3. SGDCK sẽ thông báo cho tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ và công bố thông tin ra thị trường khi phát hiện chứng khoán niêm yết có khả năng bị hủy niêm yết theo quy định tại Khoản 1 (ngoại trừ Điểm 1.3, 1.6 và 1.7) và Khoản 2 Điều này và yêu cầu tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ báo cáo giải trình cụ thể (nếu cần thiết).

4. Trường hợp buộc phải hủy bỏ niêm yết, SGDCK có thể xem xét cho chứng khoán thuộc diện hủy bỏ niêm yết đã nêu tại Khoản 3 Điều này được tiếp tục giao dịch tối đa ba mươi (30) ngày trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, trừ trường hợp hủy niêm yết để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom do không còn đáp ứng điều kiện niêm yết theo quy định liên quan tại các Điều 3, 4, 5 và 8 Thông tư Thông tư 202/2015/TT-BTC.

#### **Điều 27. Hủy bỏ niêm yết tự nguyện:**

1. Các điều kiện hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP; trong đó tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông không phải

là cổ đông lớn được tính toán trên cơ sở số phiếu biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn của công ty trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc danh sách cổ đông được gửi phiếu biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Việc hủy bỏ niêm yết chỉ được thực hiện sau tối thiểu hai (02) năm, kể từ ngày thực hiện niêm yết trên sở Giao dịch chứng khoán.

3. Tổ chức đăng ký hủy bỏ niêm yết theo Khoản 1 Điều này phải nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị hủy niêm yết theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này cho SGDCK. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK sẽ xin ý kiến UBCKNN và chỉ xem xét hủy bỏ niêm yết sau khi có ý kiến từ UBCKNN;

4. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ bao gồm báo cáo đã hoàn tất phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông, SGDCK ban hành Quyết định chấp thuận hủy bỏ niêm yết chứng khoán. Trường hợp từ chối, SGDCK có văn bản giải thích rõ lý do.

#### **Điều 28. Đăng ký niêm yết lại**

1. Chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết theo các quy định tại Điều 26 và 27 Quy chế này chỉ được đăng ký niêm yết lại sau mười hai (12) tháng kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực nếu đáp ứng các điều kiện niêm yết quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP trừ trường hợp hủy niêm yết tại SGDCK Hà Nội do đã được chấp thuận niêm yết tại SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ngược lại.

2. Hồ sơ và thủ tục đăng ký niêm yết lại đối với chứng khoán đã bị hủy niêm yết thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

### **Chương VI**

#### **NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN KHÁC**

##### **Điều 29. Nghĩa vụ của tổ chức niêm yết, Công ty quản lý quỹ**

Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ trên SGDCK có các nghĩa vụ sau:

1. Duy trì các điều kiện niêm yết theo quy định.
2. Ban hành Điều lệ công ty không trái với các quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan, tuân thủ các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết và các quy định hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong suốt thời gian chứng khoán được niêm yết trên SGDCK.
3. Thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho các công ty niêm yết/quỹ đầu tư.
4. Nộp các khoản phí liên quan theo quy định.
5. Thực hiện các cam kết đối với SGDCK.

6. Cập nhật thường xuyên, nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế của SGDCK và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 30. Nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan khác**

1. Thực hiện các nghĩa vụ về cam kết, báo cáo và công bố thông tin theo quy định của SGDCK và các quy định có liên quan khác về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Giải trình theo yêu cầu của SGDCK trong các trường hợp cần thiết.

**Chương VII**  
**XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 31. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

SGDCK có thẩm quyền đưa ra hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của SGDCK đối với các trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này.

**Điều 32. Các hình thức xử lý vi phạm**

1. Các hình thức xử lý vi phạm bao gồm:

1.1 Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường;

1.2 Đưa chứng khoán vào diện cảnh báo;

1.3 Đưa chứng khoán vào diện kiểm soát;

1.4 Đưa chứng khoán vào diện kiểm soát đặc biệt;

1.5 Đưa chứng khoán vào diện tạm ngừng giao dịch;

1.6 Hủy bỏ niêm yết bắt buộc

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, SGDCK sẽ quyết định hình thức xử lý vi phạm và báo cáo UBCKNN xử phạt theo quy định.

**Chương VIII**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 33. Điều khoản thi hành**

1. Tổ chức niêm yết tại SGDCK theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP chưa đáp ứng điều kiện niêm yết tại Điểm a và Điểm d Khoản 1, Điểm a Khoản 2 điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP không bị điều chỉnh bởi các quy định tại Tiết a Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 22, Tiết a Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 23 và Tiết a và b Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 26 Quy chế này.

2. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những

điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ của các đối tượng nêu tại Điều 2 Quy chế này.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua và có ý kiến chấp thuận của UBCKNN./. *yl*

The image shows a circular official stamp of the Ho Chi Minh City Securities Trading Center (SGDCK). The text inside the stamp reads: "SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH" and "QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH". Above the stamp, the words "TỔNG GIÁM ĐỐC" are printed. A handwritten signature is written over the stamp. Below the signature, the name "Trần Văn Dũng" is printed.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Trần Văn Dũng**



**Phụ lục 1**

**DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT  
VÀ HỦY NIÊM YẾT TẠI SGDCK TP.HCM**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<b>I- Danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu</b>		
<b>1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu</b>		
1.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01(a)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
1.2. Bản chính Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu hoặc Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa (trong trường hợp niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa)	-	-
1.3. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết (lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và được cập nhật tới thời điểm hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ)  Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thì bổ sung bản sao công văn thông báo cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để lập sổ đăng ký cổ đông.	-	TTLKCK quy định
1.4. Tóm tắt sổ cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.5. Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ.	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.6. Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li><li>- Điều lệ Công ty phù hợp với Công ty niêm yết.</li><li>- Biên bản xác định tài sản (nếu có).</li><li>- Bản xác định giá trang thiết bị, nhà xưởng, ... (nếu có).</li><li>- Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.</li></ul>	Phụ lục số 02	Thông tư 202/2015/TT-BTC

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> <li>- BCTC được kiểm toán của hai (02) năm liền trước năm đăng ký niêm yết.</li> <li>- Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.</li> <li>- Các phụ lục khác (nếu có).</li> </ul>		
1.7. Cam kết nắm giữ chứng khoán (đối với cá nhân/tổ chức)	NY-06A NY-06B	Quy chế NY tại SGDHCM
1.8. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
1.9. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần	-	-
1.10. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
1.11. Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
1.12. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	-
1.13. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT-BTC
1.14. Tổng hợp Quá trình tăng vốn	NY-04	Quy chế NY tại SGDHCM
1.15. Tổng hợp quá trình mua/bán cổ phiếu quỹ	NY-05	Quy chế NY tại SGDHCM
1.16. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
1.17. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ công ty đăng ký niêm yết	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
1.18. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
1.19. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
1.20. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu ( <i>nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức</i> )	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.21. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
<b>2. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu</b>		
2.1. Giấy đăng ký niêm yết trái phiếu	Phụ lục số 01(b)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
2.2. Quyết định thông qua việc niêm yết trái phiếu trên		

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
SGDCK TP.HCM của Hội đồng quản trị hoặc trái phiếu chuyển đổi của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên), hoặc Chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc của cấp có thẩm quyền (đối với doanh nghiệp nhà nước);	-	-
2.3. Sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết	-	TTLKCK quy định
2.4. Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Điều lệ Công ty.</li> <li>- Biên bản xác định tài sản (nếu có).</li> <li>- Bản xác định giá trang thiết bị, nhà xưởng, ... (nếu có).</li> <li>- Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.</li> <li>- BCTC được kiểm toán của hai (02) năm liền trước năm đăng ký niêm yết.</li> <li>- Bản cáo về những tranh chấp pháp luật.</li> <li>- Các phụ lục khác (nếu có).</li> </ul>	Phụ lục số 02	Thông tư 202/2015/TT-BTC
2.5. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư, bao gồm các điều kiện thanh toán, tỷ lệ nợ trên Vốn chủ sở hữu, điều kiện chuyển đổi (trường hợp niêm yết trái phiếu chuyển đổi) và các điều kiện khác	-	-
2.6. Cam kết bảo lãnh thanh toán hoặc Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm kèm theo tài liệu hợp lệ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp và hợp đồng bảo hiểm (nếu có) đối với các tài sản đó trong trường hợp đăng ký niêm yết trái phiếu có bảo đảm. Tài sản dùng để bảo đảm phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.	-	-
2.7. Hợp đồng giữa tổ chức phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu		
2.8. Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc trái phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
2.9. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có);	-	-
2.10. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần	-	-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.11. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT-BTC
2.12. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
2.13. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết và hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước		
2.14. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu ( <i>nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức</i> )	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.15. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
<b>3. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư (ngoại trừ quỹ ETF)</b>		
3.1. Giấy đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư	Phụ lục số 01(c)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
3.2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đầu tư	-	UBCKNN cấp
3.3. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư về việc niêm yết chứng chỉ quỹ đại chúng ( <i>trường hợp Điều lệ quỹ chưa có quy định về việc niêm yết</i> );	-	Điều 8 Thông tư 224/2012/TT-BTC
3.4. Sổ đăng ký nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ đại chúng	-	TTLKCK quy định
3.5. Tóm tắt danh sách nhà đầu tư của Quỹ	CBTT/SGDHCM-10	Quy chế CBTT tại SGDHCM
3.6. Điều lệ Quỹ đầu tư đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua ( <i>đối với Quỹ đầu tư chứng khoán</i> )	Phụ lục số 11	Thông tư 224/2012/TT-BTC
Điều lệ Quỹ đầu tư đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua ( <i>đối với Quỹ đầu tư bất động sản</i> )	Phụ lục 05	Thông tư 228/2012/TT-BTC
3.7. Hợp đồng giám sát đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua	-	-
3.8. Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm bao gồm: - Điều lệ Quỹ đã được nhà đầu tư thông qua. - Các phụ lục khác được nói đến trong Bản cáo bạch. - Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến chứng chỉ quỹ niêm yết. - Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch. - Các phụ lục khác (nếu có).	Phụ lục số 03	Thông tư 202/2015/TT-BTC
3.9. Bản cung cấp thông tin của thành viên Ban đại diện quỹ	Phụ lục số 19 ( <i>quỹ</i> )	Thông tư 224/2012/TT-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
	<i>đầu tư CK)</i> Phụ lục số 09 ( <i>quỹ bất động sản</i> )	BTC Thông tư 228/2012/TT-BTC
3.10. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ Quỹ đầu tư	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
3.11. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Quỹ đầu tư.	NY-10B	Quy chế NY tại SGDHCM
3.12. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06A NY-06B	Quy chế NY tại SGDHCM
Cam kết nắm giữ chứng khoán ( <i>đối với trường hợp góp vốn bằng bất động sản</i> )	NY-07A NY-07B	
3.13. Bản chính Báo cáo danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát.	-	-
3.14. Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
3.15. Văn bản của Công ty quản lý quỹ chỉ định tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ	-	-
3.16. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT-BTC
3.17. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
3.18. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu ( <i>nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức</i> )	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
3.19. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
<b>4. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán</b>		
4.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán	Phụ lục số 01(d)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
4.2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Công ty đầu tư chứng khoán	-	UBCKNN cấp
4.3. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán ( <i>trường hợp Điều lệ công ty chưa có quy định về việc niêm yết</i> )	-	Quy định tại Điều 8 Thông tư 227/2012/TT-BTC
4.4. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty đầu tư chứng khoán	-	TTLKCK quy định
4.5. Tóm tắt danh sách cổ đông của Công ty đầu tư	CBTT/	Quy chế

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
chứng khoán	SGDHCM -09	CBTT tại SGDHCM
4.6. Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán đã được ĐHĐCĐ thông qua	Phụ lục số 03	Thông tư 227/2012/TT- BTC
Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán đã được ĐHĐCĐ thông qua ( <i>đối với Công ty đầu tư chứng khoán bất động sản</i> )	Phụ lục 05	Thông tư 228/2012/TT- BTC
4.7. Hợp đồng giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua		
4.8. Hợp đồng ủy thác giữa công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ	-	-
4.9. Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm bao gồm: - Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Điều lệ mẫu. - Các phụ lục khác được nói đến trong Bản cáo bạch (BCTC, Hợp đồng giám sát, ...). - Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán. - Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch. - Các phụ lục khác (nếu có).	Phụ lục số 04	Thông tư 202/2015/TT- BTC
4.10. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06A NY-06B	Quy chế NY tại SGDHCM
4.11. Bản chính Báo cáo danh mục đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát.	-	-
4.12. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu của công ty đầu tư đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
4.13. Văn bản của Công ty quản lý quỹ chỉ định tối thiểu hai (02) người điều hành Công ty đầu tư chứng khoán	-	-
4.14. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT- BTC
4.15. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Công ty đầu tư chứng khoán.	NY-10B	Quy chế NY tại SGDHCM
4.16. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ Công ty đầu tư chứng khoán.	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT- BTC
4.17. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
4.18. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
4.19. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
<b>5. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ ETF</b>		
5.1. Giấy đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ ETF	Phụ lục số 01(c)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
5.2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ ETF	-	UBCKNN cấp
5.3. Bản cáo bạch	Phụ lục số 09	Thông tư 229/2012/TT-BTC
5.4. Bản chính Báo cáo danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát.	-	-
5.5. Sổ đăng ký nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ ETF	-	TTLKCK quy định
5.6. Điều lệ quỹ của Quỹ ETF theo mẫu tại Thông tư 229/2012/TT-BTC;	Phụ lục số 08	Thông tư 229/2012/TT-BTC
5.7. Hợp đồng giám sát được ký với Ngân hàng Giám sát;	-	-
5.8. Hợp đồng sử dụng chỉ số ký với nhà cung cấp chỉ số và các hợp đồng ký với thành viên lập quỹ;	-	-
5.9. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ Quỹ ETF	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
5.10. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Quỹ ETF.	NY-10B	Quy chế NY tại SGDHCM
5.11. Cam kết độc lập của thành viên độc lập của ban đại diện quỹ theo quy định tại Điều 19 Thông tư 229/2012/TT-BTC;	-	-
5.12. Danh sách thành viên lập quỹ của Quỹ ETF	NY-11	Quy chế NY tại SGDHCM
5.13. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT-BTC
5.14. Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
5.15. Văn bản của Công ty quản lý quỹ chỉ định tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ ETF	-	-
5.16. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
5.17. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi	NY-01A	Quy chế NY

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<i>được chấp thuận niêm yết chính thức)</i>		tại SGDHCM
5.18. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
<b>6. Các trường hợp khác</b>		
6.1. Trường hợp tổ chức đã niêm yết cổ phiếu trên SGDCK TP.HCM, hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 2.9, 2.11, 2.12, 2.13 và 2.14 Khoản 2 Mục I.		
6.2. Trường hợp tổ chức đã niêm yết trái phiếu trên SGDCK TP.HCM, hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu mới không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 2.9, 2.11, 2.12, 2.13 và 2.14 Khoản 2 Mục I.		
6.3. Trường hợp tổ chức đã niêm yết trái phiếu trên SGDCK TP.HCM, hồ sơ niêm yết cổ phiếu không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 1.12, 1.13, 1.14, 1.15 và 1.18 Khoản 1 Mục I.		
<b>II- Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất</b>		
<b>1. Trường hợp các công ty bị hợp nhất đều đang niêm yết trên SGDCK TP.HCM/ Trường hợp công ty đang niêm yết trên SGDCK TP.HCM hợp nhất với công ty chưa niêm yết trên SGDCK TP.HCM (bao gồm cả công ty niêm yết trên SGDCK Hà Nội)</b>		
1.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01(a)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
1.2. Bản chính Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu	-	-
1.3. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án hợp nhất kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng hợp nhất theo quy định pháp luật	-	-
1.4. Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi	-	-
1.5. Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định	-	-
1.6. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp ( <i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i> )		
1.7. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết ( <i>lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và được cập nhật tới thời điểm hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ</i> )	-	TTLKCK quy định
1.8. Tóm tắt sổ cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM

<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mẫu số</b>	<b>Ghi chú</b>
1.9. Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ.	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.10. Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> <li>– Điều lệ Công ty phù hợp với Công ty niêm yết.</li> <li>– Biên bản xác định tài sản (nếu có).</li> <li>– Bản xác định giá trang thiết bị, nhà xưởng, ... (nếu có).</li> <li>– Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.</li> <li>– BCTC được kiểm toán lập ngay sau thời điểm hợp nhất; hoặc BCTC quý, BCTC bán niên, hoặc BCTC năm được kiểm toán lập sau thời điểm hợp nhất.</li> <li>– Bản cáo về những tranh chấp pháp luật.</li> <li>– Các phụ lục khác (nếu có).</li> </ul>	Phụ lục số 02	Thông tư 202/2015/TT-BTC
1.11. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06A NY-06B	Quy chế NY tại SGDHCM
1.12. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
1.13. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
1.14. Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
1.15. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	-
1.16. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT-BTC
1.17. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
1.18. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
1.19. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
1.20. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
1.21. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu <i>(nộp sau khi</i>	NY-01A	Quy chế NY

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<i>được chấp thuận niêm yết chính thức)</i>		tại SGDHCM
1.22. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
<b>2. Trường hợp các công ty bị hợp nhất đều chưa niêm yết trên SGDCK TP.HCM</b> (Công ty hợp nhất nộp hồ sơ niêm yết trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)		
2.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01(a)	Thông tư 202/2015/TT-BTC
2.2. Bản chính Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu	-	-
2.3. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty bị hợp nhất	-	-
2.4. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án hợp nhất kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng hợp nhất theo quy định pháp luật	-	-
2.5. Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi	-	-
2.6. Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định	-	-
2.7. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp ( <i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i> )		
2.8. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết ( <i>lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và được cập nhật tới thời điểm hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ</i> )	-	TTLKCK quy định
2.9. Tóm tắt sổ cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.10. Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ.	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.11. Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Điều lệ Công ty phù hợp với Công ty niêm yết.</li> <li>- Biên bản xác định tài sản (nếu có).</li> <li>- Bản xác định giá trang thiết bị, nhà xưởng, ... (nếu có).</li> <li>- Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ</li> </ul>	Phụ lục số 02	Thông tư 202/2015/TT-BTC

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<p>chức niêm yết.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các BCTC năm đã kiểm toán của hai (02) năm liền trước năm thực hiện hợp nhất của công ty chưa niêm yết bị hợp nhất;</li> <li>– Báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán (<i>đối với trường hợp công ty hợp nhất đáp ứng điều kiện niêm yết theo quy định tại Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 8, Quy chế này và hoàn tất thủ tục niêm yết trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i>).</li> <li>– Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.</li> <li>– Các phụ lục khác (nếu có).</li> </ul>		
2.12. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06A NY-06B	Quy chế NY tại SGDHCM
2.13. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
2.14. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
2.15. Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
2.16. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)		
2.17. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin	Phụ lục số 01	Thông tư 155/2015/TT-BTC
2.18. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
2.19. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
2.20. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
2.21. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
2.22. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu ( <i>nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức</i> )	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.23. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
<b>3. Trường hợp các công ty bị hợp nhất đều chưa niêm yết trên SGDCK TP.HCM</b> (Công ty hợp nhất nộp hồ sơ niêm yết sau 03 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu theo danh mục tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này.		

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<b>4. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất:</b> Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu theo danh mục tại Khoản 2 Mục I Phụ lục này		
<b>5. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng sau khi hợp nhất quỹ:</b> Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ theo danh mục tại Khoản 3 Mục I Phụ lục này		
<b>III- Hồ sơ đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập</b>		
<b>1. Trong vòng một (01) tháng tính kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 11 Quy chế này (<i>Trường hợp công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên SGDCK</i>) phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
1.1 Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Phụ lục số 05	Thông tư 202/2015/TT-BTC
1.2 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
1.3 Biên bản họp, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng sáp nhập theo quy định pháp luật	-	-
1.4 Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi.	-	-
1.5 Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau ( <i>nếu có</i> ) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định.	-	-
1.6 Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp ( <i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i> ).		
1.7 BCTC năm được kiểm toán trước năm thực hiện sáp nhập của công ty nhận sáp nhập, công ty bị sáp nhập		
1.8 Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ đã góp lập sau thời điểm sáp nhập.		
1.9 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của công ty hình thành sau sáp nhập	-	-
1.10 Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu	Phụ lục số 13	Thông tư 162/2015/TT-BTC

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
	Mẫu số 02	Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.11 Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
1.12 File sổ theo dõi cổ đông sau sáp nhập	-	TTLKCK quy định
1.13 Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau sáp nhập.	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.14 Phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ các công ty thông qua	-	-
1.15 Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ (nếu có sự thay đổi)	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.16 Bản cung cấp thông tin của người nội bộ (nếu có sự thay đổi)	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
1.17 Điều lệ của công ty sau sáp nhập đã được ĐHĐCĐ thông qua	-	-
1.18 Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm.		TTLKCK quy định
1.19 Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
1.20 Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết)	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>2. Trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 11 Quy chế này (Trường hợp công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên SGDCK) và Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 11 Quy chế này (Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, các công ty bị sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK) phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
2.1. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Phụ lục số 05	Thông tư 202/2015/TT-BTC
2.2. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
2.3. Biên bản họp, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng sáp nhập theo quy định pháp luật	-	-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.4. Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi.	-	-
2.5. Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định	-	-
2.6. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp ( <i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i> )	-	-
2.7. BCTC được kiểm toán lập ngay sau thời điểm sáp nhập hoặc BCTC kiểm toán quý hoặc BCTC kiểm toán bán niên, hoặc BCTC kiểm toán năm lập sau thời điểm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập	-	-
2.8. BCTC được kiểm toán năm liền trước năm thực hiện sáp nhập của công ty nhận sáp nhập ( <i>Trường hợp xem xét ROE sau khi sáp nhập của công ty nhận sáp nhập với ROE của công ty đó trong năm liền trước năm thực hiện sáp nhập</i> )	-	-
2.9. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của công ty hình thành sau sáp nhập	-	-
2.10. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu	Phụ lục số 13 Mẫu số 02	Thông tư 162/2015/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
2.11. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
2.12. File sổ theo dõi cổ đông sau sáp nhập	-	TTLKCK quy định
2.13. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau sáp nhập.	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.14. Phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ các công ty thông qua	-	-
2.15. Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ ( <i>nếu có sự thay đổi</i> )	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.16. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ ( <i>nếu có sự thay đổi</i> )	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.17. Điều lệ của công ty sau sáp nhập đã được ĐHĐCĐ thông qua	-	-
2.18. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm.		TTLKCK quy định
2.19. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
2.20. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung ( <i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i> )	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>3. Trong vòng một (01) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 11 (<i>Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, các công ty bị sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK</i>) Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
3.1 Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Phụ lục số 05	Thông tư 202/2015/TT-BTC
3.2 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
3.3 Biên bản họp, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng sáp nhập theo quy định pháp luật	-	-
3.4 Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi.	-	-
3.5 Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau ( <i>nếu có</i> ) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định.	-	-
3.6 Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp ( <i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i> ).		
3.7 BCTC năm được kiểm toán trước năm thực hiện sáp nhập của công ty nhận sáp nhập, công ty bị sáp nhập		
3.8 Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ đã góp lập sau thời điểm sáp nhập.		
3.9 Các BCTC năm đã kiểm toán của hai (02) năm liền trước năm thực hiện sáp nhập của công ty bị sáp nhập		
3.10 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh	-	-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
doanh mới của công ty hình thành sau sáp nhập		
3.11 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty bị sáp nhập		
3.12 Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu	Phụ lục số 13 Mẫu số 02	Thông tư 162/2015/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
3.13 Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
3.14 File sổ theo dõi cổ đông sau sáp nhập	-	TTLKCK quy định
3.15 Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau sáp nhập.	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
3.16 Phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ các công ty thông qua	-	-
3.17 Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ (nếu có sự thay đổi)	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
3.18 Bản cung cấp thông tin của người nội bộ (nếu có sự thay đổi)	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
3.19 Điều lệ của công ty sau sáp nhập đã được ĐHĐCĐ thông qua	-	-
3.20 Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm		TTLKCK quy định
3.21 Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
3.22 Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết)	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>4. Sau một (01) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới và trong vòng một (01) tháng tiếp theo, công ty nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 11 Quy chế này (trường hợp công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên SGDCK) và Điểm 2.3 Khoản 2 Điều 11 Quy chế này (Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, các công ty bị sáp nhập các công ty bị sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK) phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
4.1 Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Phụ lục số 05	Thông tư 202/2015/TT-BTC

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
4.2 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
4.3 Biên bản họp, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng sáp nhập theo quy định pháp luật	-	-
4.4 Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi.	-	-
4.5 Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định.	-	-
4.6 Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).		
4.7 Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ đã góp lập sau thời điểm sáp nhập.		
4.8 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của công ty hình thành sau sáp nhập	-	-
4.9 Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu	Phụ lục số 13 Mẫu số 02	Thông tư 162/2015/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
4.10 Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
4.11 File sổ theo dõi cổ đông sau sáp nhập	-	TTLKCK quy định
4.12 Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau sáp nhập.	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
4.13 Phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ các công ty thông qua	-	-
4.14 Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ (nếu có sự thay đổi)	NY-10A	Quy chế NY tại SGDHCM
4.15 Bản cung cấp thông tin của người nội bộ (nếu có sự thay đổi)	Phụ lục số 03	Thông tư 155/2015/TT-BTC
4.16 Điều lệ của công ty sau sáp nhập đã được ĐHĐCĐ	-	-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
thông qua		
4.17 Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm		TTLKCK quy định
4.18 Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
4.19 Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung ( <i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i> )	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>5. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu đối với công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập đối với trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty chưa niêm yết trên SGDCK: Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu theo danh mục tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này</b>		
<b>6. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập: Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu theo danh mục tại Khoản 2 Mục I Phụ lục này</b>		
<b>7. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng sau khi nhận sáp nhập quỹ: Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ theo danh mục tại Khoản 3 Mục I Phụ lục này</b>		
<b>IV- Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết của công ty niêm yết phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác hoặc khoản nợ của tổ chức phát hành đối với chủ nợ</b>		
<b>1. Trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi, công ty niêm yết thực hiện hoán đổi cổ phiếu đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quy chế này phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết để niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã phát hành để hoán đổi.</b>		
1.1. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Phụ lục số 05	Thông tư 202/2015/TT-BTC
1.2. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
1.3. Báo cáo kết quả phát hành	Phụ lục số 13, 21, 22 Mẫu số 02	Thông tư 162/2015/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.4. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
1.5. Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi, văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ		

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định		
1.6. BCTC được kiểm toán lập ngay sau thời điểm phát hành cổ phiếu để hoán đổi hoặc BCTC kiểm toán bán niên, hoặc BCTC kiểm toán năm lập sau thời điểm hoán đổi		
1.7. File sổ theo dõi cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán	-	TTLKCK quy định
1.8. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán.	CBTT/ SGDHCM -09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.9. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm		TTLKCK quy định
1.10. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).		
1.11. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung ( <i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i> )	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>2. Sau một năm kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi và trong vòng một (01) tháng tiếp theo, công ty niêm yết thực hiện hoán đổi cổ phiếu đáp ứng quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 14 Quy chế này: Phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết để niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã phát hành để hoán đổi theo danh mục tại Khoản 4 Mục III Phụ lục này</b>		
<b>V – Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
<b>1. Trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết do phát hành thêm chứng khoán để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ trả cổ tức bằng cổ phiếu/ huy động vốn làm tăng vốn điều lệ/ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty/ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu</b>		
1.1. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Phụ lục số 05	Thông tư 202/2015/TT- BTC
1.2. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
1.3. Báo cáo kết quả phát hành	Phụ lục số 13, 21, 22  Mẫu số 02	Thông tư 162/2015/TT- BTC  Nghị định 58/2012/NĐ- CP
1.4. Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (trường hợp chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu)	NY-08A	Quy chế NY tại SGDHCM

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
1.5. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
1.6. File sổ theo dõi cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán	-	TTLKCK quy định
1.7. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán.	CBTT/ SGDHCM -09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.8. Xác nhận của Ngân hàng về số tiền thu được từ đợt phát hành.	-	-
1.9. Báo cáo kiểm toán vốn	-	-
1.10. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm/tăng thêm do chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc do các trường hợp khác	-	TTLKCK quy định
1.11. Đối với hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trong trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 1.8 và 1.9 trên đây. Đối với hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trong trường hợp do chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 1.8 trên đây.		
1.12. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).		
1.13. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung ( <i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i> )	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>2. Trường hợp thay đổi niêm yết trái phiếu do chuyển đổi từng phần trái phiếu thành cổ phiếu:</b>		
2.1. Giấy đề nghị thay đổi niêm yết	NY-02A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.2. Nghị Quyết Hội đồng quản trị thông qua việc chuyển đổi trái phiếu từng phần	-	-
2.3. Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	NY-08A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.4. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)	-	-
2.5. File sổ theo dõi trái chủ sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán	-	TTLKCK quy định
2.6. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán sau khi chuyển đổi từng phần trái phiếu thành cổ phiếu.	CBTT/ SGDHCM -09	Quy chế CBTT tại SGDHCM

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.7. Báo cáo kiểm toán vốn	-	-
2.8. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán về việc giảm số lượng trái phiếu được nộp sau khi SGDCK cấp Quyết định thay đổi niêm yết trái phiếu	-	TTLKCK quy định
2.9. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).		
<b>3. Trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết do phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ đóng hoặc thanh toán lợi tức bằng chứng chỉ quỹ (bao gồm quỹ đóng và quỹ ETF) cho nhà đầu tư.</b>		
3.1. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	NY-02B	Quy chế NY tại SGDHCM
3.2. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu.	-	-
3.3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ thông qua việc phát hành chứng chỉ quỹ ETF để trả lợi tức	-	-
3.4. Báo cáo kết quả phát hành chứng chỉ quỹ đóng	Phụ lục 21	Thông tư 224/2012/TT-BTC
Báo cáo kết quả phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản	Phụ lục số 03	Thông tư 228/2012/TT-BTC
Báo cáo kết quả phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF để trả lợi tức	NY-08B	Quy chế NY tại SGDHCM
3.5. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)	-	-
3.6. Danh sách nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ sau phát hành <i>(ngoại trừ quỹ ETF)</i> .	-	TTLKCK quy định
3.7. Tóm tắt nội dung danh sách nhà đầu tư sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán <i>(ngoại trừ quỹ ETF)</i> .	CBTT/SGDHCM-10	Quy chế CBTT tại SGDHCM
3.8. Báo cáo kiểm toán vốn <i>(trừ trường hợp thanh toán lợi tức bằng chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư)</i>	-	-
3.9. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh do UBCKNN cấp	-	-
3.10. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm	-	TTLKCK quy định
3.11. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
3.12. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung <i>(nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng</i>	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<i>ký niêm yết)</i>		
<b>4. Trường hợp tách/ gộp cổ phiếu</b>		
4.1. Các tài liệu quy định từ Điểm 1.1 đến 1.7 Khoản 1 Mục V	-	-
4.2. Cam kết nắm giữ cổ phiếu của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và cổ đông sáng lập (nếu có)	NY-06A	Quy chế NY tại SGDHCM
4.3. Điều lệ sửa đổi của tổ chức niêm yết đã được đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi thay đổi số lượng chứng khoán do tách/gộp cổ phiếu	-	-
4.4. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán thay đổi	-	TTLKCK quy định
4.5. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
4.6. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung ( <i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i> )	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
<b>VI- Hồ sơ đăng ký hủy niêm yết tự nguyện</b>		
1. Giấy đề nghị hủy niêm yết	NY-03A, NY-03B,	Quy chế NY tại SGDHCM
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu; quyết định của Hội đồng Quản trị (trường hợp công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (trường hợp công ty TNHH) hoặc chủ sở hữu vốn (trường hợp công ty TNHH 1 thành viên) hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền (trường hợp doanh nghiệp Nhà nước) thông qua về việc hủy bỏ niêm yết trái phiếu; quyết định của Đại hội đồng nhà đầu tư thông qua việc hủy niêm yết của chứng chỉ quỹ.	-	-
3. Phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông/ trái chủ/ nhà đầu tư sau khi hủy niêm yết.	-	-
4. Báo cáo đã hoàn tất phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông/ trái chủ/ nhà đầu tư sau khi hủy niêm yết.	-	-

**Phụ lục 2**  
**QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ THẨM ĐỊNH**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ QUY TRÌNH HUỖY NIÊM YẾT**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK Tp.HCM)

**I. Quy trình tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký niêm yết:**

**1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký niêm yết**

- Hồ sơ đăng ký niêm yết có thể được nộp trực tiếp tại trụ sở của SGDCK hoặc gửi qua đường bưu điện.
- Sau khi kiểm tra sơ bộ tính đầy đủ và hợp lệ theo danh mục hồ sơ ở Phụ lục 1:
  - + Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng đúng quy định về danh mục và biểu mẫu, SGDCK sẽ có công văn yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ bổ sung, hoàn thiện.
  - + Trường hợp hồ sơ đáp ứng đúng quy định về danh mục và biểu mẫu, SGDCK sẽ thực hiện công bố thông tin về việc nhận hồ sơ đăng ký niêm yết trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

**2. Xét duyệt hồ sơ đăng ký niêm yết**

- Sau khi nhận đủ hồ sơ theo danh mục, SGDCK sẽ có công văn yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu cần).
- Trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết có nội dung vướng mắc cần xin ý kiến của UBCKNN hoặc các cơ quan liên quan, SGDCK sẽ gửi công văn xin ý kiến về vấn đề này, đồng thời gửi công văn thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ. Hồ sơ đăng ký niêm yết chỉ được tiếp tục xem xét sau khi có ý kiến chính thức từ các cơ quan liên quan.
- Trường hợp quá sáu (06) tháng kể từ ngày có công văn yêu cầu bổ sung hồ sơ mà tổ chức đăng ký niêm yết không thực hiện bổ sung, sửa đổi theo yêu cầu, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đó.

**3. Thông qua/từ chối hồ sơ đăng ký niêm yết**

- Sau khi tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, SGDCK sẽ có ý kiến về việc không chấp thuận hoặc yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trước khi chấp thuận chính thức. Việc hoàn thiện hồ sơ để chấp thuận niêm yết sẽ được công bố trên các phương tiện thông tin của SGDCK.
- Trường hợp SGDCK yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ hoàn thiện hồ sơ, tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ thực hiện tiếp các công việc sau để hoàn tất thủ tục cấp Quyết định niêm yết chính thức:

- + Nộp Sổ theo dõi cổ đông/trái chủ/nhà đầu tư và Bản tóm tắt sổ cổ đông/trái chủ/nhà đầu tư theo ngày chốt gần nhất cho SGDCK;
- + Bổ sung các tài liệu khác theo yêu cầu của SGDCK.
- Trường hợp từ chối đăng ký niêm yết: SGDCK sẽ có công văn giải thích rõ lý do gửi tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ.
- Trường hợp quá sáu (06) tháng kể từ ngày có công văn yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trước khi chấp thuận chính thức mà tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ không thực hiện bổ sung, sửa đổi theo yêu cầu, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đó.

#### **4. Chấp thuận/không chấp thuận cấp Quyết định niêm yết**

Sau khi tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ hoàn tất thủ tục và hồ sơ theo quy định tại công văn yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trước khi chấp thuận chính thức, SGDCK sẽ cấp Quyết định niêm yết chứng khoán chính thức và công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Trường hợp không chấp thuận đăng ký niêm yết, SGDCK sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Tổ chức đăng ký niêm yết/ công ty quản lý quỹ.

#### **5. Hoàn tất thủ tục đưa chứng khoán lên giao dịch tại SGDCK**

a) Trường hợp đăng ký niêm yết tại SGDCK lần đầu:

- Trong vòng ba (03) tháng kể từ khi có Quyết định niêm yết chứng khoán, tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục theo quy định để đưa chứng khoán lên giao dịch trên SGDCK. Các công việc chính gồm:
  - + Đối với chứng khoán ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF: Công bố thông tin về việc niêm yết trong ba (03) kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành trên toàn quốc và trên phương tiện công bố thông tin của tổ chức niêm yết trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết;
  - + Đối với chứng chỉ quỹ ETF: Công bố thông tin về việc niêm yết trong một (01) kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành trên toàn quốc và trên phương tiện công bố thông tin của công ty quản lý quỹ trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết;
  - + Nộp phí quản lý niêm yết cho SGDCK theo quy định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết;
  - + Đăng ký ngày chính thức giao dịch tại SGDCK. Ngày chính thức giao dịch chứng khoán và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên phải được đăng ký chậm nhất là 06 ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên dự kiến. Trường hợp giá tham chiếu của chứng chỉ quỹ ETF trong ngày giao dịch đầu tiên phải được đăng ký chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên dự kiến;
  - + Phối hợp với SGDCK tổ chức lễ trao Quyết định niêm yết chứng khoán và khai trương giao dịch.

b) Trường hợp chuyển đăng ký niêm yết từ SGDCK Hà Nội :

- SGDCK TP.HCM sẽ thông báo về ngày giao dịch đầu tiên sau khi nhận được các tài liệu sau
  - + Quyết định hủy niêm yết tại SGDCK Hà Nội;
  - + Thông báo của tổ chức chuyển đăng ký niêm yết về ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK TP.HCM.
- Quy định về thủ tục lên giao dịch tại SGDCK TP.HCM tương tự Điểm a Khoản 5 Phụ lục này.

c) Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày ký Quyết định niêm yết chứng khoán, tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ không thực hiện việc đưa chứng khoán vào giao dịch tại SGDCK thì Quyết định niêm yết chứng khoán sẽ hết hiệu lực.

## **II. Quy trình hủy niêm yết:**

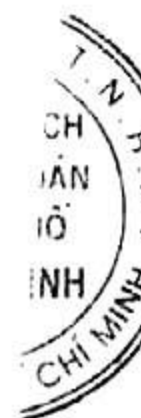
### **1. Hủy niêm yết tự nguyện:**

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hủy niêm yết, SGDCK xem xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định và yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết.
- Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung đầy đủ, SGDCK sẽ xem xét ra Quyết định hủy niêm yết và công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.
- SGDCK thực hiện hủy bỏ niêm yết chứng khoán trên hệ thống giao dịch sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

### **2. Hủy niêm yết bắt buộc:**

- Khi phát hiện/nhận được thông tin về việc chứng khoán rơi vào các trường hợp bị hủy niêm yết theo quy định, SGDCK sẽ gửi thông báo về việc chứng khoán niêm yết đang lâm vào tình trạng bị hủy niêm yết và yêu cầu tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ báo cáo giải trình cụ thể và/hoặc đưa ra phương án khắc phục (*nếu thấy cần thiết*) đồng thời công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.
- Trên cơ sở các quy định hiện hành và công văn phản hồi về việc lâm vào tình trạng bị hủy niêm yết của chứng khoán từ tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ (*nếu có*), SGDCK sẽ xem xét thực hiện thủ tục hủy niêm yết chứng khoán theo quy định.
- Sau khi ban hành Quyết định hủy niêm yết bắt buộc, SGDCK sẽ Thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) về việc chứng khoán sẽ bị hủy niêm yết theo quy định.

Lưu ý: Trường hợp SGDCK thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK sẽ đưa chứng khoán đang lâm vào tình trạng bị hủy niêm yết vào diện bị cảnh báo/kiểm soát/kiểm soát đặc biệt/tạm ngừng giao dịch trước khi chính thức hủy niêm yết.





### Phụ lục 3: CÁC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

STT	Mẫu	Nội dung
1.	NY-01A	Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu
2.	NY-01B	Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung
3.	NY-02A	Giấy đề nghị thay đổi niêm yết trái phiếu
4.	NY-02B	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ
5.	NY-03A	Giấy đề nghị hủy niêm yết cổ phiếu/trái phiếu
6.	NY-03B	Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng chỉ quỹ
7.	NY-04	Tổng hợp quá trình tăng vốn
8.	NY-05	Tổng hợp quá trình mua/bán cổ phiếu quỹ
9.	NY-06A	Cam kết nắm giữ chứng khoán (đối với cá nhân)
10.	NY-06B	Cam kết nắm giữ chứng khoán (đối với tổ chức)
11.	NY-07A	Cam kết nắm giữ chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bất động sản (đối với cá nhân góp vốn bằng bất động sản)
12.	NY-07B	Cam kết nắm giữ chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bất động sản (đối với tổ chức góp vốn bằng bất động sản)
13.	NY-08A	Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
14.	NY-08B	Báo cáo kết quả phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF để trả lợi tức
15.	NY-09	Cam kết niêm yết
16.	NY-10A	Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan của người nội bộ.
17.	NY-10B	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Quỹ đầu tư và Công ty đầu tư chứng khoán.
18.	NY-11	Danh sách thành viên lập quỹ của Quỹ ETF

**Mẫu NY-01A**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 05 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ...tháng ...năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ NGÀY GIAO DỊCH LẦN ĐẦU**

Cổ phiếu/chứng chỉ quỹ:.... (tên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ)  
Trái phiếu..... (tên trái phiếu)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Tổ chức niêm yết: (đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư thì để tên của Quỹ)

Thời hạn hoạt động của quỹ: (đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư)

Công ty quản lý quỹ: (đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư/công ty đầu tư chứng khoán)

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

Ngân hàng giám sát: (đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư/công ty đầu tư chứng khoán)

Đã được chấp thuận niêm yết lần đầu theo Quyết định số ..... ngày ..... của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số ..... ngày .....

Nay công ty chúng tôi muốn đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với các chi tiết sau:

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông/chứng chỉ quỹ/Trái phiếu
- Loại hình quỹ: (đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư)
- Loại hình trái phiếu (đối với trái phiếu niêm yết):
- Mã chứng khoán :
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu/chứng chỉ quỹ (đối với trái phiếu là 100.000 đồng/trái phiếu)
- Số lượng chứng khoán niêm yết : ...cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu (bằng chữ)
- Tổng giá trị chứng khoán niêm yết : ..... đồng (bằng chữ)
- Ngày niêm yết có hiệu lực :

- Ngày chính thức giao dịch :
- Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: ..... đồng/cổ phiếu/chứng chỉ quỹ

Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán vào giao dịch. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT/  
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**  
(Đại diện theo pháp luật )  
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu công ty)

**Mẫu NY-01B**

*(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ...tháng ...năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ NGÀY GIAO DỊCH BỔ SUNG**

Cổ phiếu/chứng chỉ quỹ:.... *(tên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ)*

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Tổ chức niêm yết: *(đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư thì để tên của Quỹ)*

Thời hạn hoạt động của quỹ: *(đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư)*

Công ty quản lý quỹ: *(đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư/công ty đầu tư chứng khoán)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

Ngân hàng giám sát: *(đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư/công ty đầu tư chứng khoán)*

Đã được chấp thuận niêm yết bổ sung theo Quyết định số ..... ngày ..... của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số ..... ngày .....

Nội dung hạn chế chuyển nhượng *(trường hợp chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng)*: từ ngày ..... đến ngày .....

Nay công ty chúng tôi muốn đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với các chi tiết sau:

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông/chứng chỉ quỹ
- Loại hình quỹ: *(đối với quỹ ETF/quỹ đầu tư)*
- Mã chứng khoán :
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Số lượng chứng khoán niêm yết (bằng chữ) : ..... cổ phiếu/chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị chứng khoán niêm yết : ..... đồng (bằng chữ)
- Ngày niêm yết có hiệu lực :

- Ngày giao dịch bổ sung :

*(Trường hợp chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, ngày giao dịch bổ sung chính là ngày sau khi kết thúc thời gian bị hạn chế chuyển nhượng)*

Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán vào giao dịch. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT/  
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

(Đại diện theo pháp luật)

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu công ty)

**Mẫu NY-02A**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ...tháng ...năm .....

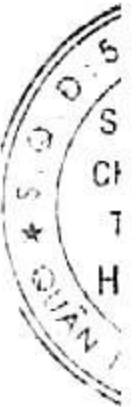
**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NIÊM YẾT  
TRÁI PHIẾU**

**Trái phiếu .... (Tên trái phiếu)**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

1. Tên tổ chức niêm yết:
2. Tên tiếng Anh:
3. Tên viết tắt:
4. Vốn điều lệ:
  - Vốn điều lệ thực góp trước khi thay đổi:
  - Vốn điều lệ thực góp sau khi thay đổi:
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:
7. Website:
8. Nơi mở tài khoản:
9. Số hiệu tài khoản:
10. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do ..... Cấp lần đầu ngày ....., thay đổi lần thứ.....ngày.....
  - Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Sản phẩm, dịch vụ chính:
11. Nguồn vốn chủ sở hữu (tại thời điểm ...):
12. Cơ cấu trái chủ sau khi thay đổi trái phiếu: Dựa trên trái chủ tại thời điểm.....



STT	Đối tượng	SL trái phiếu sở hữu trước khi thay đổi	SL trái phiếu thay đổi	SL trái phiếu sở hữu sau thay đổi	Cơ cấu trái chủ (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
I	Người nội bộ					

1	Trong nước					
2	Nước ngoài					
<b>II</b>	<b>Trái chủ khác</b>					
1	Trong nước					
1.1	Cá nhân					
1.2	Tổ chức					
2	Nước ngoài					
1.1	Cá nhân					
1.2	Tổ chức					
<b>Tổng cộng</b>						
Trong đó: - Trong nước						
- Nước ngoài						

(\*) : nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình

## II. LÝ DO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

### III. TRÁI PHIẾU THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

- Tên trái phiếu:
- Mã chứng khoán:
- Loại trái phiếu:
- Mệnh giá trái phiếu:                      đồng/ trái phiếu
- Số lượng trái phiếu thay đổi niêm yết: ..... ..cổ phiếu
- Thời gian dự kiến thay đổi niêm yết:
- Số lượng, tỷ lệ trái phiếu do cổ đông nước ngoài nắm giữ trong tổng số lượng trái phiếu thay đổi niêm yết:
  - Số lượng:
  - Tỷ lệ:

### IV. TRÁI PHIẾU SAU KHI THAY ĐỔI NIÊM YẾT

- Tên trái phiếu:
- Mã chứng khoán:
- Loại trái phiếu:
- Mệnh giá trái phiếu:                      đồng/ trái phiếu
- Tổng số lượng trái phiếu niêm yết sau khi thay đổi niêm yết: .....cổ phiếu
- Tỷ lệ trái phiếu niêm yết sau khi thay đổi niêm yết trên tổng số trái phiếu đang lưu hành: ...%
- Số lượng, tỷ lệ trái phiếu do cổ đông nước ngoài nắm giữ trong tổng số lượng trái phiếu sau khi thay đổi đăng ký niêm yết:
  - Số lượng:
  - Tỷ lệ:

### V. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Tổ chức tư vấn:
  - Địa chỉ trụ sở chính:
  - Điện thoại:                      Fax:
  - Website:
- Tổ chức kiểm toán:

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:                      Fax:
- Website:
- 3. Tổ chức khác:

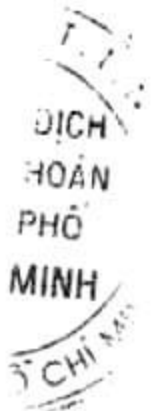
#### **VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức niêm yết cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

#### **VII. HỒ SƠ KÈM THEO**

*(Liệt kê các tài liệu đi kèm)*

....., ngày ...tháng....năm.....  
**TỔ CHỨC NIÊM YẾT**  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*



**Mẫu NY-02B**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT  
CHỨNG CHỈ QUỸ**

**Chứng chỉ quỹ: ..... (Tên quỹ)**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

**I. THÔNG TIN VỀ QUỸ**

1. Tên Quỹ:
2. Tên tiếng Anh:
3. Mã chứng khoán:
4. Tên viết tắt:
5. Vốn điều lệ:
  - Vốn điều lệ thực góp trước khi thay đổi:
  - Vốn điều lệ thực góp sau khi thay đổi:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại: Fax
8. Website:
9. Nơi mở tài khoản: Số tài khoản:
10. Giấy phép thành lập và hoạt động số ... do UBCKNN cấp ngày ... tháng ... năm ...
11. Giấy phép quản lý quỹ đầu tư số: ... ngày ... tháng ... năm .....
12. Thời hạn hoạt động của Quỹ
13. Mục tiêu đầu tư của quỹ
14. Tên công ty quản lý quỹ:
  - Tên tiếng Anh:
  - Tên viết tắt
  - Địa chỉ trụ sở chính:
  - Điện thoại: Fax
  - Website:
15. Tên ngân hàng giám sát:
  - Tên tiếng Anh:
  - Tên viết tắt



- Địa chỉ trụ sở chính:
  - Điện thoại: Fax
  - Website:
16. Cơ cấu chứng chỉ quỹ sau khi thay đổi tăng/giảm chứng chỉ quỹ: Dựa trên cơ cấu vốn tại thời điểm.....

STT	Đối tượng	SL chứng chỉ quỹ	Tỷ lệ %	Số lượng Nhà đầu tư	Cơ cấu Nhà đầu tư (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Ban đại diện Quỹ					
2	Nhà đầu tư sở hữu trên 5%					
3	Nhà đầu tư khác (sở hữu <5%)					
<b>TỔNG CỘNG</b>						
<i>Trong đó: - Trong nước</i>						
<i>- Nước ngoài</i>						

(\*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình

## II. LÝ DO THAY ĐỔI TĂNG/GIẢM SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

## III. CHỨNG CHỈ QUỸ THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên chứng chỉ quỹ:
2. Mã chứng khoán:
3. Loại hình quỹ:
4. Mệnh giá: đồng/chứng chỉ quỹ
5. Số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi đăng ký niêm yết: .....chứng chỉ quỹ
6. Thời gian dự kiến niêm yết:
7. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trong tổng số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi đăng ký niêm yết:
  - Số lượng:
  - Tỷ lệ:

## IV. CHỨNG CHỈ QUỸ SAU KHI THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên chứng chỉ quỹ:
2. Mã chứng khoán:
3. Loại hình quỹ:
4. Mệnh giá: đồng/chứng chỉ quỹ
5. Tổng số lượng chứng chỉ quỹ niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết: ..... chứng chỉ quỹ
6. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trong tổng số lượng chứng chỉ quỹ sau khi thay đổi đăng ký niêm yết:
  - Số lượng:
  - Tỷ lệ:

## V. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn:
  - Địa chỉ trụ sở chính:
  - Điện thoại: Fax:
  - Website:

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành:

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:                      Fax:
- Website:

3. Tổ chức kiểm toán:

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:                      Fax:
- Website:

4. Các tổ chức khác:

**VI. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT:**

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức niêm yết cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

**VII. HỒ SƠ KÈM THEO**

*(Liệt kê các tài liệu đi kèm)*

....., ngày ...tháng....năm.....

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)



**Mẫu NY-03A**

*(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ...tháng ...năm ... ..

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HUỖ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

1. Tên tổ chức niêm yết/Tên tổ chức có trái phiếu niêm yết:
2. Tên tiếng Anh:
3. Tên viết tắt:
4. Trụ sở chính:
5. Điện thoại: Fax:
6. Website:

Đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số ..... ngày.... tháng .....năm .... của .....

Nay công ty chúng tôi muốn đăng ký huỷ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với nội dung sau:

7. Tên chứng khoán:.....
8. Mã chứng khoán: .....
9. Loại chứng khoán: .....
10. Mệnh giá: .....
11. Kỳ hạn trái phiếu: ... năm
  - Ngày phát hành:
  - Ngày đáo hạn:
12. Kỳ hạn trả lãi: .....
13. Phương thức trả lãi:
14. Lãi suất trái phiếu: .....
15. Số lượng chứng khoán đăng ký huỷ niêm yết: .....
16. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký huỷ niêm yết: .....
17. Lý do huỷ niêm yết: .....
18. Ngày dự kiến huỷ niêm yết:

Kính đề nghị SGDCK TP.HCM hoàn tất các thủ tục để huỷ niêm yết chứng khoán của Công ty .... tại SGDCK TP.HCM. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan.

**Ghi chú: nội dung số 11, 12, 13 và 14 dành cho trái phiếu**

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu NY-03B

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ...năm .....

## GIẤY ĐỀ NGHỊ HUỖ NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

1. Tên công ty quản lý quỹ:
2. Tên tiếng Anh:
3. Tên viết tắt:
4. Trụ sở chính:
5. Điện thoại: Fax:
6. Website:
7. Tên ngân hàng giám sát:
8. Tên tiếng Anh:
9. Tên viết tắt:
10. Trụ sở chính:
11. Điện thoại: Fax:
12. Website:
13. Tên quỹ đầu tư:
14. Thời hạn hoạt động của quỹ: ..... năm (từ ngày ..... đến ngày.....căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số ... do UBCKNN cấp ngày ... tháng ... năm .....)

Đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số ... ngày....tháng ...năm ...của ....

Nay công ty chúng tôi muốn đăng ký huỷ niêm yết tại SGDCK TP.HCM với các chi tiết sau:

15. Tên chứng chỉ quỹ: .....
16. Mã chứng chỉ quỹ: .....
17. Loại hình quỹ: .....
18. Mệnh giá chứng chỉ quỹ: .....
19. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký huỷ niêm yết: .....
20. Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đăng ký huỷ niêm yết: .....
21. Lý do huỷ niêm yết: .....
22. Ngày dự kiến huỷ niêm yết:

Kính đề nghị SGDCK TP.HCM hoàn tất các thủ tục để huỷ niêm yết chứng khoán của Công ty .... tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**  
(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

## Mẫu NY-04

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



..., ngày ...tháng ...năm .....

## BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Tổ chức đăng ký niêm yết:

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Địa chỉ Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....cấp lần đầu ngày....., do -  
-----cấp.(ghi rõ số lần cấp)

(Tên tổ chức đăng ký niêm yết) báo cáo về quá trình tăng vốn của công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

**I. Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm...** (căn cứ ngày Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh được ..... cấp lần đầu ngày ..... dưới hình thức công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ : ..... đồng (bằng chữ)
- Số lượng cổ phiếu : ..... cổ phiếu (bằng chữ)
- Mệnh giá : ..... đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông : ..... cổ đông

**II. Vốn điều lệ hiện tại ...** (căn cứ ngày Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày ..... dưới hình thức công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ : ..... đồng (bằng chữ)
- Số lượng cổ phiếu : ..... cổ phiếu (bằng chữ)
- Mệnh giá : ..... đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông : ..... cổ đông

**III. Các đợt tăng vốn của Công ty:** (ghi rõ từng đợt tăng vốn của công ty theo mẫu bên dưới)

❖ **Mẫu thống kê các đợt tăng vốn của công ty như sau:**

**Tăng vốn đợt ..... ngày .....**

- Vốn điều lệ trước phát hành: .....đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: ..... đồng
- Mệnh giá : ..... đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : ..... cổ phiếu

- Số lượng cổ đông trước phát hành : ..... cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : ..... cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn:

Trong đó:

Đối tượng được mua cổ phiếu		Nội dung chi tiết
<b>1. Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu</b>		
- Số lượng phát hành		..... cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền		.....
- Giá phát hành		.....đồng/cổ phiếu
- Ngày chốt Danh sách cổ đông		.....
- Ngày phát hành		.....
- Số lượng cổ đông		
<b>2. Phát hành riêng lẻ</b>		
- Số lượng phát hành		..... cổ phiếu
- Giá phát hành		..... đồng/cổ phiếu
- Ngày phát hành		.....
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng		Từ ..... đến .....
- Số lượng cổ đông		
<b>3. Phát hành cổ phần cho Cán bộ nhân viên</b>		
- Số lượng phát hành		..... cổ phiếu
- Giá phát hành		..... đồng/cổ phiếu
- Ngày phát hành		.....
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng		Từ ..... đến .....
- Số lượng cổ đông		
<b>4. Thương cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu</b>		
- Số lượng phát hành		..... cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền		.....
- Ngày chốt Danh sách cổ đông		.....
- Ngày phát hành		.....
- Số lượng cổ đông		
<b>5. Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu</b>		
- Số lượng phát hành		..... cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền		.....
- Ngày chốt Danh sách cổ đông		.....
- Ngày phát hành		.....
- Số lượng cổ đông		
<b>6. Các trường hợp tăng vốn khác (nếu có)</b>		

Cúng tôi cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan.

....., ngày ...tháng....năm.....  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**  
 (Đại diện theo pháp luật)  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu NY-05**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



..., ngày ...tháng ...năm .....

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH MUA BÁN CỔ PHIẾU QUỸ**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Tổ chức đăng ký niêm yết:

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Địa chỉ Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....cấp lần đầu ngày....., do -  
-----cấp.(ghi rõ số lần cấp)

(Tên tổ chức đăng ký niêm yết) báo cáo về quá trình mua bán cổ phiếu quỹ của công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

**Chi tiết từng đợt mua hoặc bán cổ phiếu quỹ**

<b>Chi tiết các đợt mua hoặc bán cổ phiếu quỹ</b>	<b>Nội dung chi tiết</b>
<b>1. Đợt 01 năm .....</b>	
- Ngày bắt đầu mua/bán	.....
- Ngày kết thúc mua/bán	.....
- Số lượng cổ phiếu quỹ giao dịch được	..... cổ phiếu
- Nguồn vốn mua lại cổ phiếu quỹ	.....
- Nghị quyết ĐHCĐ/ Nghị quyết HĐQT số.. ngày.../ Công văn chấp thuận của UBCKNN số... ngày....	
<b>2. Đợt ... năm .....</b>	

Nếu bán cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên của công ty thì phải cung cấp danh sách người được mua và điều kiện hạn chế giao dịch của từng người (nếu có)

Chúng tôi cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan.

....., ngày ...tháng....năm.....

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

Đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

## CAM KẾT NẪM GIỮ CHỨNG KHOÁN (đối với cá nhân)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Căn cứ vào các quy định và hướng dẫn liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán về việc cam kết nắm giữ chứng khoán của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), và Kế toán trưởng của tổ chức đăng ký niêm yết (đối với Công ty cổ phần/ Công ty đầu tư chứng khoán)/ hoặc của thành viên Ban đại diện Quỹ (đối với Quỹ đầu tư chứng khoán):

1. Tôi là :
2. Giới tính :
3. Năm sinh :
4. Nơi sinh :
5. Quốc tịch :
6. Dân tộc :
7. Quê quán :
8. CMND/Hộ chiếu số :
9. Địa chỉ thường trú :
10. Số điện thoại liên lạc :
11. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết (tên tổ chức đăng ký niêm yết)/Quỹ đầu tư chứng khoán (tên Quỹ đầu tư chứng khoán)/ Công ty đầu tư chứng khoán (tên Công ty đầu tư chứng khoán):
12. Chức vụ tại tổ chức khác (tên tổ chức khác):
13. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có):
14. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ:  
Trong đó: + Cá nhân sở hữu:  
+ Đại diện sở hữu cho ..... :
15. Loại cổ đông/nhà đầu tư (\*):  
(\*): Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng được quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược...
16. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cam kết nắm giữ:

S T T	Nội dung	SL CP/CCQ cá nhân sở hữu	Tỷ lệ % cá nhân sở hữu	SL CP/CCQ đại diện sở hữu	Tỷ lệ % đại diện sở hữu
1	100% số lượng CP/CCQ cam				

S T T	Nội dung	SL CP/CCQ cá nhân sở hữu	Tỷ lệ % cá nhân sở hữu	SL CP/CCQ đại diện sở hữu	Tỷ lệ % đại diện sở hữu
	kết năm giữ trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết				
2	50% số lượng CP/CCQ cam kết năm giữ trong vòng 6 tháng tiếp theo				

**Tôi cam kết:**

1. Cam kết sự độc lập của mình đối với ..... (*Công ty Quản lý Quỹ*) và Ngân hàng ..... (*Ngân hàng Giám sát*) (trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là Quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán)
2. Nắm giữ số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của Công ty...../Quỹ đầu tư chứng khoán.... mà tôi đang sở hữu đã nêu tại mục số 16 trên đây theo quy định hiện hành.
3. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh nếu không thực hiện đúng cam kết nắm giữ này.

....., ngày..... tháng..... năm 20

**NGƯỜI CAM KẾT**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



**Mẫu NY-06B**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

## **CAM KẾT NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN**

(đối với tổ chức)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Căn cứ vào các quy định và hướng dẫn liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán về việc cam kết năm giữ chứng khoán của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Ban Kiểm soát, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của tổ chức đăng ký niêm yết (đối với Công ty cổ phần/ Công ty đầu tư chứng khoán)/ hoặc của thành viên Ban đại diện Quỹ (đối với Quỹ đầu tư chứng khoán):

### **I. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức :
2. Giấy đăng ký kinh doanh số :
3. Ngày cấp :
4. Nơi cấp :
5. Địa chỉ trụ sở :
6. Điện thoại :
7. Fax :
8. Đại diện theo pháp luật (bao gồm chức vụ) :
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu :
10. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) :
11. Danh sách cá nhân đại diện (tên tổ chức uỷ quyền đại diện vốn...) sở hữu chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết (tên tổ chức đăng ký niêm yết)/Quỹ đầu tư chứng khoán (tên Quỹ đầu tư chứng khoán)/ Công ty đầu tư chứng khoán (tên Công ty đầu tư chứng khoán):

STT	Họ tên người được uỷ quyền	Chức vụ tại ..... (tổ chức uỷ quyền)	Chức vụ tại ..... (tổ chức đăng ký niêm yết/ Quỹ đầu tư chứng khoán/ Công ty đầu tư chứng khoán)	SL CP/CCQ đại diện	Tỷ lệ % đại diện sở hữu
1					
2					
...					
<b>TỔNG CỘNG</b>					

**Ghi chú:** Toàn bộ số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ được các cá nhân đại diện trên chỉ được đại diện quyền biểu quyết tại ... (tên tổ chức đăng ký niêm yết/Quỹ đầu tư/Công ty đầu tư chứng khoán). Chỉ có người đại diện theo pháp luật của ... (tên Công ty uỷ quyền) được giao dịch số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ trên.

12. Loại cổ đông/nhà đầu tư (\*):

(\*): Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng được quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược...

13. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cam kết nắm giữ:

ST T	Nội dung	SL CP/CCQ Công ty sở hữu	Tỷ lệ % công ty sở hữu
1	100% số lượng CP/CCQ cam kết nắm giữ trong 06 tháng từ ngày niêm yết		
2	50% số lượng CP/CCQ cam kết nắm giữ trong vòng 6 tháng tiếp theo		

## II. Công ty chúng tôi .....cam kết:

1. Cam kết sự độc lập của mình đối với ..... (Công ty Quản lý Quỹ) và Ngân hàng ..... (Ngân hàng Giám sát) (trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là Quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán)
2. Nắm giữ số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của Công ty...../Quỹ đầu tư chứng khoán .... mà chúng tôi đang sở hữu đã nêu tại mục số 13 trên đây theo quy định hiện hành.
3. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh nếu không thực hiện đúng cam kết nắm giữ này.

## III. Những cá nhân được uỷ quyền đại diện ký tên, ghi rõ họ tên:

....., ngày... ..tháng..... năm ...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Mẫu NY-07A

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 546/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

## **CAM KẾT NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN**

(đối với cá nhân góp vốn bằng bất động sản)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Căn cứ vào các quy định và hướng dẫn liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán về việc cam kết nắm giữ chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bất động sản

1. Tôi là :
2. Giới tính :
3. Năm sinh :
4. Nơi sinh :
5. Quốc tịch :
6. Dân tộc :
7. Quê quán :
8. CMND/Hộ chiếu số :
9. Địa chỉ thường trú :
10. Số điện thoại liên lạc :
11. Chức vụ công tác hiện nay tại Quỹ đầu tư bất động sản (tên tổ Quỹ đầu tư bất động sản):
12. Chức vụ tại tổ chức khác (tên tổ chức khác):
13. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có):
14. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ nắm giữ:  
Trong đó: + Cá nhân sở hữu:  
+ Đại diện sở hữu cho ..... :
15. Loại nhà đầu tư (\*):  
(\*): Người nội bộ của quỹ đại chúng được quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC.
16. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ cam kết nắm giữ:  
a) Trường hợp quỹ đầu tư bất động sản tiếp nhận vốn góp là bất động sản với giá trị chiếm từ 30% trở lên số lượng chứng chỉ quỹ đã phát hành:

S T T	Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
1	Tối thiểu 30% số lượng CCQ đang lưu hành cam kết nắm giữ trong 03 năm kể từ thời điểm góp bất động sản vào			

S T T	Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
	Quỹ			
2	Tối thiểu 15% số lượng CCQ đang lưu hành cam kết nắm giữ trong 03 năm tiếp theo			

**b) Trường hợp các nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản sở hữu chưa tới 30% chứng chỉ quỹ đã phát hành:**

S T T	Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
1	100% số lượng CCQ cam kết nắm giữ trong 03 năm kể từ thời điểm góp bất động sản vào Quỹ			
2	Tối thiểu 15% số lượng CCQ cam kết nắm giữ trong 03 năm tiếp theo			

**c) Trường hợp các nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản sở hữu chưa tới 15% chứng chỉ quỹ đã phát hành:**

Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
100% số lượng CCQ cam kết nắm giữ trong 06 năm kể từ thời điểm góp bất động sản vào Quỹ			

**Tôi cam kết:**

1. Cam kết sự độc lập của mình đối với ..... (Công ty Quản lý Quỹ) và Ngân hàng ..... (Ngân hàng Giám sát).
2. Nắm giữ số lượng chứng chỉ quỹ Quỹ đầu tư bất động sản mà tôi đang sở hữu đã nêu tại mục số 16 trên đây theo quy định hiện hành.
3. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh nếu không thực hiện đúng cam kết nắm giữ này.

....., ngày..... tháng..... năm 20

**NGƯỜI CAM KẾT**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

## CAM KẾT NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

(đối với tổ chức góp vốn bằng bất động sản)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Căn cứ vào các quy định và hướng dẫn liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán về việc cam kết năm giữ chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bất động sản

### IV. Thông tin chung

1. Tên tổ chức :
2. Giấy đăng ký kinh doanh số :
3. Ngày cấp :
4. Nơi cấp :
5. Địa chỉ trụ sở :
6. Điện thoại :
7. Fax :
8. Đại diện theo pháp luật (bao gồm chức vụ) :
9. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ sở hữu :
10. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) :
11. Danh sách cá nhân đại diện (tên tổ chức uỷ quyền đại diện vốn...) sở hữu chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bất động sản (tên Quỹ đầu tư bất động sản):

STT	Họ tên người được uỷ quyền	Chức vụ tại ..... (tổ chức uỷ quyền)	Chức vụ tại ..... (Quỹ đầu tư bất động sản)	SL CCQ đại diện	Tỷ lệ % đại diện sở hữu
1					
2					
...					
TỔNG CỘNG					

**Ghi chú:** Toàn bộ số lượng chứng chỉ quỹ được các cá nhân đại diện trên chỉ được đại diện quyền biểu quyết tại ... (tên Quỹ đầu tư bất động sản). Chỉ có người đại diện theo pháp luật của ... (tên Công ty uỷ quyền) được giao dịch số lượng chứng chỉ quỹ trên.

12. Loại nhà đầu tư:

13. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ cam kết năm giữ:

a) Trường hợp quỹ đầu tư bất động sản tiếp nhận vốn góp là bất động sản với giá trị chiếm từ 30% trở lên số lượng chứng chỉ quỹ đã phát hành:

S T T	Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian năm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
1	Tối thiểu 30% số lượng CCQ			

S T T	Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
	đang lưu hành cam kết nắm giữ trong 03 năm kể từ thời điểm góp bất động sản vào Quỹ			
2	Tối thiểu 15% số lượng CCQ đang lưu hành cam kết nắm giữ trong 03 năm tiếp theo			

**b) Trường hợp các nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản sở hữu chưa tới 30% chứng chỉ quỹ đã phát hành:**

S T T	Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
1	100% số lượng CCQ cam kết nắm giữ trong 03 năm kể từ thời điểm góp bất động sản vào Quỹ			
2	Tối thiểu 15% số lượng CCQ cam kết nắm giữ trong 03 năm tiếp theo			

**c) Trường hợp các nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản sở hữu chưa tới 15% chứng chỉ quỹ đã phát hành:**

Nội dung	Số lượng CCQ sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Thời gian nắm giữ (Từ ngày .... đến ngày ....)
100% số lượng CCQ cam kết nắm giữ trong 06 năm kể từ thời điểm góp bất động sản vào Quỹ			

**V. Công ty chúng tôi .....cam kết:**

1. Cam kết sự độc lập của mình đối với ..... (Công ty Quản lý Quỹ) và Ngân hàng ..... (Ngân hàng Giám sát).
2. Nắm giữ số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bất động sản mà chúng tôi đang sở đã nêu tại mục số 13 trên đây theo quy định hiện hành.
3. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh nếu không thực hiện đúng cam kết nắm giữ này.

**VI. Những cá nhân được uỷ quyền đại diện ký tên, ghi rõ họ tên:**

....., ngày... ..tháng..... năm ...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

..., ngày ...tháng ...năm .....

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU THÀNH CỔ PHIẾU

CÔNG TY .....(Tên công ty)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên tổ chức phát hành:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Website:



### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI ĐÃ PHÁT HÀNH:

1. Loại trái phiếu:
2. Mệnh giá trái phiếu: ..... đồng/trái phiếu
3. Giá bán: ..... đồng/trái phiếu
4. Khối lượng phát hành:
5. Hình thức phát hành:
6. Ngày phát hành:
7. Ngày đáo hạn:
8. Thời gian thanh toán tiền mua trái phiếu:
9. Mục đích phát hành trái phiếu:
10. Tổng khối lượng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành: ..... trái phiếu.
11. Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (theo mệnh giá):
12. Lãi suất:
13. Kỳ hạn:
14. Nguyên tắc trả lãi và gốc:
15. Nguyên tắc chuyển đổi thành cổ phiếu:
  - Tỷ lệ chuyển đổi (bao gồm công thức chuyển đổi):
  - Thời gian chuyển đổi:
  - Giá chuyển đổi:

### II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU THÀNH CỔ PHIẾU:

(Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu được thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ số ..... ngày ..... và Quyết định số ..... ngày ..... của HĐQT về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi)

1. Tên trái phiếu đã chuyển đổi:
2. Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi: .....trái phiếu
3. Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi (theo mệnh giá):
4. Tỷ lệ chuyển đổi: ..... (..... trái phiếu chuyển đổi thành ..... cổ phiếu phổ thông mệnh giá ..... đồng)
5. Ngày chuyển đổi:
6. Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:
7. Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu:
8. Tên cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu:
9. Mã cổ phiếu:
10. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
11. Mệnh giá: ..... đồng (bằng chữ)
12. Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi: ..... cổ phiếu
13. Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi: ..... đồng
14. Tổng số Trái phiếu được chuyển đổi chiếm .....% tổng số Trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (..... trái phiếu)..

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU:

Đối tượng	SL trái phiếu sở hữu (trái phiếu)	SL trái phiếu được chuyển đổi (trái phiếu)	SL cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu (cổ phiếu)			Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu trên tổng số cổ phiếu được chuyển đổi
			Hạn chế chuyển nhượng	Phổ thông	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6=4+5	7
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>						
1. Hội đồng quản trị						
Trong đó - Nước ngoài						
- Trong nước						
2. Ban kiểm soát						
3. Ban Giám đốc						
4. Giám đốc tài chính						
5. Kế toán trưởng						
6. Người được uỷ quyền CBT						
<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>						
<b>IV. Cổ đông khác</b>						
<b>1. Trong nước</b>						
1.1 Cá nhân						
1.2 Tổ chức						
Trong đó Nhà nước:						
<b>2. Nước ngoài</b>						
2.1 Cá nhân						
2.2 Tổ chức						
<b>CỘNG</b>						

### IV. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN SAU ĐỢT CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ (%)
1						
2						
3						
4						
<b>TỔNG CỘNG</b>						

#### V. CƠ CẤU VỐN SAU ĐỢT CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU:

STT	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước		
2	Cổ đông lớn		
3	Cổ đông khác		
4	Cổ phiếu quỹ		
<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>
<i>Trong đó: - Trong nước</i>			
<i>- Nước ngoài</i>			

#### VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong báo cáo này là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức niêm yết cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.



#### VII. HỒ SƠ KÈM THEO

*(Liệt kê các tài liệu đi kèm)*

**Nơi nhận:**

- SGDCK Tp.HCM
- Lưu:....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

**Mẫu NY-08B**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH THÊM ĐỀ TRẢ LỢI TỨC**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

**I. Thông tin về công ty quản lý quỹ**

1. Tên Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ):
2. Tên tiếng Anh (nếu có):
3. Tên giao dịch (tên viết tắt):
4. Vốn điều lệ:
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax: Website:
7. Nơi mở tài khoản: Số tài khoản:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động số ... do UBCKNN cấp ngày ... tháng ... năm ...
9. Giấy phép quản lý Quỹ ETF số:.... ngày ... tháng ... năm.....

**II. Chứng chỉ quỹ ETF dự kiến phát hành**

1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF lưu hành (trước thời điểm phát hành):
2. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF dự kiến phát hành:
3. Mục đích phát hành:
4. Ngày chốt danh sách nhà đầu tư để phát hành chứng chỉ quỹ trả lợi tức
5. Ngày giao dịch không hưởng quyền:
6. Ngày dự kiến giao dịch chứng chỉ quỹ ETF phát hành:

**III. Kết quả phát hành**

1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đã phân phối:
2. Số lượng nhà đầu tư được phân phối:
3. Phương thức xử lý chứng chỉ quỹ lẻ:
4. Tổng số chứng chỉ quỹ ETF hiện tại (ngày....)

**IV. Tài liệu gửi kèm (nếu có)**

(Liệt kê các tài liệu kèm theo)

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Mẫu NY-09**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 05 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ...năm .....

**CAM KẾT VỀ VIỆC NIÊM YẾT TẠI SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

(Tên Công ty) với tư cách là tổ chức đăng ký niêm yết/Công ty quản lý quỹ (sau đây gọi tắt là Công ty) xin cam kết với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (sau đây gọi tắt là SGDCK TP.HCM) tuân thủ các quy định liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán và hợp tác với SGDCK TP.HCM trong quá trình chứng khoán được xét duyệt niêm yết. Sau khi chứng khoán được cấp Quyết định niêm yết, Công ty tiếp tục cam kết các vấn đề sau:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán và các Luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan điều chỉnh hoạt động của tổ chức niêm yết.
2. Tuân thủ các Quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn do SGDCK TP.HCM ban hành để điều chỉnh hoạt động của tổ chức niêm yết.
3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức niêm yết trên SGDCK TP.HCM theo quy định.
4. Cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu một cách trung thực, chính xác theo yêu cầu của SGDCK TP.HCM.
5. Hợp tác với SGDCK TP.HCM trong trường hợp cần thiết phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.
6. Thanh toán đầy đủ và kịp thời các khoản phí theo thông báo của SGDCK TP.HCM.

... .., ngày .....tháng ..... năm....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Mẫu NY-10A

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC VÀ NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 34/2016/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM)

**A. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ:**

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
<b>I- Hội đồng quản trị</b>												
1			Chủ tịch									
2			Phó CT									
.....			TV									
<b>II- Ban (Tổng) Giám đốc (hoặc các chức danh quản lý khác theo Ghi chú 1)</b>												
1			(Tổng) GD									
2			Phó (Tổng) GD									
...			Phó (Tổng) GD									
<b>III- Ban kiểm soát (hoặc Ban kiểm toán nội bộ)</b>												
1			Trưởng ban									
.....			TV									
<b>IV- Giám đốc tài chính</b>												
1			GDTC									
<b>V- Kế toán trưởng/ Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Người phụ trách kế toán</b>												
1			KTT/TP TCKT/ Người phụ trách KT									

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
<b>VI- Người đại diện theo pháp luật</b>												
1			Người đại diện theo pháp luật 1									
...			Người đại diện theo pháp luật 2									
<b>VII- Người được uỷ quyền CBTT</b>												
			Người được uỷ quyền CBTT									

**Ghi chú 1:**

- Trường hợp người nội bộ là thành viên Ban (Tổng) Giám đốc được hiểu theo quy định tại Khoản 5c Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.
- Nếu người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS của công ty, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó.
- Nếu người nội bộ không đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS,... của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng đang nắm giữ chức vụ chủ chốt tại tổ chức đó (và tổ chức đó đang sở hữu cổ phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết), thì tổ chức đăng ký niêm yết phải có cam kết chứng minh người nội bộ này chỉ làm thành viên HĐQT, BKS,... với tư cách cá nhân.
- Trường hợp thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của từng loại cổ phiếu khác nhau, phải ghi rõ thông tin từng loại cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng bao gồm: Số lượng cổ phiếu, lý do và thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

**B. CỔ ĐÔNG LỚN**

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ tại tổ chức ĐKNY	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
1												
2												
.....												

**Ghi chú 2:**

1. Nếu cổ đông lớn là người có liên quan và/hoặc có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS, GD tài chính, Kế toán trưởng... của tổ chức đăng ký niêm yết, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và cá nhân là thành viên HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS, GD tài chính, Kế toán trưởng... hoặc là người đại diện sở hữu vốn đó.
2. Tỷ lệ sở hữu được tính trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
3. Trường hợp thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của từng loại cổ phiếu khác nhau, phải ghi rõ thông tin từng loại cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng bao gồm: Số lượng cổ phiếu, lý do và thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

**C. CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC**

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ tại tổ chức ĐKNY	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
1												
2												
.....												

**Ghi chú 3:**

1. Nếu cổ đông chiến lược là người có liên quan và/hoặc có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS, GD tài chính, Kế toán trưởng... của tổ chức đăng ký niêm yết, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và cá nhân là thành viên HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS, GD tài chính, Kế toán trưởng... hoặc là người đại diện sở hữu vốn đó.
2. Trường hợp thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của từng loại cổ phiếu khác nhau, phải ghi rõ thông tin từng loại cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng bao gồm: Số lượng cổ phiếu, lý do và thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

#### D. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/quan hệ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
<b>I- Người có liên quan của thành viên HĐQT:</b>												
1.	Ông/Bà .....		CT HĐQT									
1.1												
....												
2	Ông/Bà .....		Phó CT HĐQT									
2.1												
....												
3	Ông/Bà .....		TV HĐQT									
3.1												
....												
<b>II- Người có liên quan của thành viên Ban (Tổng) Giám đốc (hoặc các chức danh quản lý khác theo Ghi chú 1):</b>												
1	Ông/Bà .....		(Tổng) Giám đốc									
1.1												
...												
2	Ông/Bà .....		Phó (Tổng) Giám đốc									
2.1												
...												

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/quan hệ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
<b>III- Người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát (hoặc Ban kiểm toán nội bộ):</b>												
1	Ông/Bà .....		Trưởng ban									
1.1												
....												
2	Ông/Bà .....		Thành viên									
2.1												
....												
<b>IV- Người có liên quan của Giám đốc tài chính:</b>												
1	Ông/Bà .....		GĐTC									
1.1												
...												
<b>V- Người có liên quan của Kế toán trưởng/ Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Người phụ trách kế toán:</b>												
1	Ông/Bà .....		KTT/TP TCKT/ Người phụ trách KT									
1.1												
....												
<b>VI- Người có liên quan của Người đại diện theo pháp luật</b>												
1	Ông/Bà .....		Người đại diện theo pháp luật 1									
...												
2	Ông/Bà .....		Người đại diện theo pháp luật 2									
...												
<b>VII- Người có liên quan của Người được uỷ quyền CBTT</b>												
1	Ông/Bà .....		Người được									

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/quan hệ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cp cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
	.....		ủy quyền CBTT									
1.1												
...												
<b>VIII- Người có liên quan khác (như công ty con, công liên kết...)</b>												
1												
...												

-----, Ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(ký tên, đóng dấu Công ty, ghi rõ họ tên, chức vụ)

### Mẫu NY-10B

## DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ETF, QUỸ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 8 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDC TP.HCM)

### A. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCK cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
<b>I- Thành viên Ban đại diện Quỹ</b>												
<b>Thành viên HĐQT Công ty ĐTK</b>												
1			Chủ tịch									
2			Phó CT									
.....			TV									
<b>II- Người điều hành Quỹ/ Công ty ĐTK</b>												

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCK cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
1			Người điều hành Quỹ/ Công ty ĐTK									
2			Người điều hành Quỹ/ Công ty ĐTK									
...												
<b>III- Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên của Công ty quản lý quỹ</b>												
1			Chủ tịch									
2			Phó CT									
...			TV									
<b>IV- Ban điều hành Công ty quản lý quỹ</b>												
1			(Tổng) Giám đốc									
2			Phó (Tổng) Giám đốc									
...												
<b>V- Ban kiểm soát (hoặc Ban kiểm toán nội bộ) của Công ty quản lý quỹ</b>												
1			Trưởng ban									
.....			TV									
<b>VI- Giám đốc tài chính của Công ty quản lý quỹ</b>												
1			GĐTC									
<b>VII- Kế toán trưởng/ Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Người phụ trách kế toán của Công ty quản lý quỹ</b>												
1			KTT/TP TCKT/ Người phụ trách KT									
<b>VIII- Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ</b>												

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCK cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
1			Người đại diện theo pháp luật 1									
...			Người đại diện theo pháp luật 2									
<b>IX- Người được uỷ quyền CBTT của Công ty quản lý quỹ</b>												
			Người được uỷ quyền CBTT									

**Ghi chú:**

1. SLCK: Là số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư hoặc số lượng cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán.
2. Nếu người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó.
3. Nếu cổ đông lớn là người có liên quan và/hoặc có đại diện sở hữu là thành viên BDD Quỹ/HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS, GD tài chính, Kế toán trưởng... của Công ty đầu tư chứng khoán, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và cá nhân là thành viên BDD Quỹ/HĐQT, Ban (Tổng) giám đốc, BKS, GD tài chính, Kế toán trưởng... hoặc là người đại diện sở hữu vốn đó.
4. Nếu người nội bộ không đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên BDD Quỹ/HĐQT, BKS, ... nhưng đang nắm giữ chức vụ chủ chốt tại tổ chức đó (và tổ chức đó đang sở hữu chứng chỉ quỹ/cổ phiếu), thì Công ty quản lý quỹ phải có cam kết chứng minh người nội bộ này chỉ làm thành viên BDD Quỹ/HĐQT, BKS, ... với tư cách cá nhân.
5. Trường hợp thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của từng loại SLCK khác nhau, phải ghi rõ thông tin từng loại SLCK bị hạn chế chuyển nhượng bao gồm: SLCK, lý do và thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

**B. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/quan hệ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCK cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
<b>I- Người có liên quan của Ban đại diện Quỹ</b> <b>Người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty ĐTCK</b>												
1	Ông/Bà .....		Chủ tịch									
1.1												
...												
2	Ông/Bà .....		Phó Chủ tịch									
2.1												
...												
3	Ông/Bà .....		Thành viên									
3.1												
...												
<b>II- Người có liên quan của người điều hành Quỹ/ Công ty ĐTCK</b>												
1	Ông/Bà .....		Người điều hành Quỹ/ Công ty ĐTCK									
1.1												
...												
2	Ông/Bà .....		Người điều hành Quỹ/ Công ty ĐTCK									
2.1												
...												
<b>III- Người có liên quan của thành viên HĐQT/HĐTV Công ty quản lý quỹ:</b>												
1.	Ông/Bà .....		Chủ tịch									

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/quan hệ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCK cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
1.1												
.....												
2	Ông/Bà .....		Phó Chủ tịch									
2.1												
.....												
3	Ông/Bà .....		Thành viên									
3.1												
....												
<b>IV- Người có liên quan của Ban điều hành Công ty quản lý quỹ:</b>												
1	Ông/Bà .....		(Tổng) Giám đốc									
1.1												
...												
2	Ông/Bà .....		Phó (Tổng) Giám đốc									
2.1												
...												
<b>V- Người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát (hoặc Ban kiểm toán nội bộ) của Công ty quản lý quỹ:</b>												
1	Ông/Bà .....		Trưởng ban									
1.1												
....												
2	Ông/Bà .....		Thành viên									
2.1												
....												
<b>VI- Người có liên quan của Giám đốc tài chính của Công ty quản lý quỹ:</b>												
1	Ông/Bà .....		GĐTC									

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/quan hệ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCK cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
1.1												
...												
<b>VII- Người có liên quan của Kế toán trưởng/ Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Người phụ trách kế toán của Công ty quản lý quỹ:</b>												
1	Ông/Bà .....		KTT/TP TCKT/ Người phụ trách KT									
1.1												
....												
<b>VIII- Người có liên quan của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ</b>												
1	Ông/Bà .....		Người đại diện theo pháp luật 1									
...												
2	Ông/Bà .....		Người đại diện theo pháp luật 2									
...												
<b>IX- Người có liên quan của Người được ủy quyền CBTT của Công ty quản lý quỹ</b>												
1	Ông/Bà .....		Người được ủy quyền CBTT									
1.1												
...												
<b>X- Người có liên quan khác</b>												
1												
...												

-----, Ngày tháng năm  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (ký tên, đóng dấu Công ty, ghi rõ họ tên, chức vụ)



(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 84/QĐ-SGDCKM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TP. HCM)

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ CỦA QUỸ ETF

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại và Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/ Passport/Giấy ĐKKD)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CCQ cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1											
.....											
2											
.....											

**Ghi chú:** Ghi rõ thông tin thành viên lập quỹ và người đại diện pháp luật của thành viên lập quỹ đó.

-----, Ngày tháng năm  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (ký tên, đóng dấu Công ty, ghi rõ họ tên, chức vụ)